Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHƠN TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI - CHỦ ĐỀ 136

DẠ XOA

136

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP

1. *Lời giới thiệu*

- *Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.*

- *Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.*

- *Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận* ***đánh***

dấu, tô màu *những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.*

2. ***Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?***

- *Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.*
- *Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.*
- *Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết*

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

– *Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*

– *Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*

– *Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học vàPháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*

– *Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- *Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.*

- *Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.*

- *Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu*

không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với ***năm thủ uẩn.***

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 2 mẹ con Dạ xoa cùng nghe Thế Tôn thuyết về Niết bàn - Kinh Punabbasu – Tương I, 463

Punabbasu – *Tương* I, 463

1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo về vấn đề liên hệ đến Niết-bàn, tuyên thuyết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung mọi tâm tư, lóng tai nghe pháp.

3) Rồi một nữ Dạ-xoa, mẹ Punabbasu dỗ con nín như sau:

Hãy gìn giữ im lặng,
Này Uttarika!
Hãy gìn giữ im lặng,
Này Punabbasu!
Để mẹ được nghe pháp.
Đạo Sư, tối thượng Phật,
Thế Tôn giảng Niết-bàn,
Thoát ly mọi triền phược,
Mẹ đối với pháp ấy,

Thật cực kỳ ái lạc.
Đời ái lạc con mình,
Đời ái lạc chồng mình,
Nhưng đối với đạo pháp,
Mẹ ái lạc nhiều hơn.
Con hay chồng dầu thân,
Không cứu ta thoát khổ,
Không như nghe diệu pháp,
Chúng sanh được thoát khổ.

Trong đau khổ đời sau,
Dính liền già và chết,
Chánh pháp Ngài giác ngộ,
Giải thoát khỏi già chết.
Mẹ muốn nghe pháp ấy
Hãy nín đi con ơi!
Này Punabbasu.

(Punabbasu):

4) Thưa mẹ, con không nói,
Uttarà nín lặng.
Mẹ hãy lắng nghe pháp,
Nghe pháp được an lạc.
Vì không biết diệu pháp,
Chúng ta trôi sanh tử.
Giữa Nhân, Thiên mù quáng,
Ngài đem cho ánh sáng,
Giác ngộ, thân tối hậu,

Bậc Pháp nhãn thuyết pháp.

(Bà mẹ):

5) Hữu trí thay, con ta!
Con ta sanh ẵm ngực.
Nay con ta ái lạc,
Tịnh pháp Vô thượng Phật.
Này Punabbasu!
Hãy sống chơn an lạc,
Nay ta được sống lại,
Thấy được chơn ***Thánh đế****,*
Này con Uttara!
Hãy nghe theo lời ta.

2 3 lần không trả lời thì thần Dạ xoa… - TIỂU Kinh SACCAKA – 35 Trung I, 499

TIỂU KINH SACCAKA
(Culasaccaka suttam)

– Bài kinh số 35 – *Trung* I, 499

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Vesali, rừng Đại Lâm, tại giảng đường Trùng Các. Lúc bấy giờ Niganthaputta Saccaka ở tại Vesali tánh ưa luận chiến, biện luận thiện xảo, được số đông tôn kính. Vị này thường xuyên bố cho hội chúng ở Vesali: "Ta không thấy một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào, là vị Hội chủ, là vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, dầu tự cho là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, khi đối thoại với ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không toát mồ hôi nách. Dầu ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường".

Rồi Tôn giả Assaji vào buổi sáng đắp y, cầm bát vào Vesali để khất thực. Niganthaputta Saccaka, thường hay ngao du thiên hạ, thấy Tôn giả Assaji từ xa đi lại. Sau khi thấy, Niganthaputta Saccaka liền đến gần Tôn giả Assaji, nói lên những lời hỏi thăm, chào đón, xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Niganthaputta Saccaka nói với Tôn giả Assaji:

– Này Tôn giả Assaji, Sa-môn Gotama huấn luyện đệ tử như thế nào? Và có những bộ môn nào mà phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử?

– Này Aggivessana, như thế này, Thế Tôn huấn luyện đệ tử. Với những bộ môn như thế này, phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử: "Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã". Như vậy này Aggivessana, Thế Tôn huấn luyện các đệ tử. Như vậy là các bộ môn mà phần lớn Thế Tôn giảng dạy được dành cho đệ tử.

– Này Tôn giả Assaji, thật sự chúng tôi đã thất

vọng khi nghe Sa-môn Gotama thuyết giảng như vậy. Rất có thể chúng tôi sẽ gặp Tôn giả Gotama một thời nào đó và tại một chỗ nào đó. Rất có thể sẽ có một cuộc thảo luận. Rất có thể chúng tôi sẽ đoạn trừ ác tà kiến ấy.

Lúc bấy giờ, có khoảng độ năm trăm vị Licchavi tập hợp tại giảng đường vì một vài công vụ. Rồi Niganthaputta Saccaka đến chỗ các Licchavi ấy, sau khi đến, liền nói các vị ấy như sau:

– Hãy đến, các Tôn giả Licchavi; hãy đến các Tôn giả Licchavi. Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa Sa-môn Gotama với ta. Nếu Sa-môn Gotama đứng đối thoại với ta như Tỷ-kheo Assaji, một vị đệ tử danh tiếng của ông ta đã làm, thì như một lực sĩ tay nắm chặt lông một con cừu có lông dài, có thể kéo tới, dặc lui, vần quanh; cũng vậy, ta dùng lời nói, kéo tới, dặc lui, vần quanh Sa-môn Gotama. Cũng như một người lực sĩ nấu rượu, sau khi nhận chìm một thùng rượu lớn xuống hồ nước sâu, nắm một góc thùng có thể kéo tới, dặc lui, vần quanh; cũng vậy, ta dùng lời nói, kéo tới, dặc lui, vần quanh Sa-môn Gotama. Và cũng như một lực sĩ nghiện rượu, sống phóng đãng, sau khi nắm góc một cái sàng, lắc qua lắc lại, lắc xoay quanh. Cũng vậy, ta sẽ dùng lời nói, lắc qua lắc lại, lắc xoay quanh Sa-môn Gotama. Và

cũng như một con voi lớn sáu mươi tuổi, sau khi lặn xuống một hồ nước sâu, lại chơi trò phun nước; cũng vậy, ta nghĩ ta sẽ chơi trò chơi phun nước với Sa-môn Gotama. Hãy đến, các Tôn giả Licchavi. Hãy đến các Tôn giả Licchavi. Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa Sa-môn Gotama với ta.

Một số Licchavi nói như sau:

– Làm sao Sa-môn Gotama có thể luận thắng Niganthaputta Saccaka? Niganthaputta Saccaka sẽ luận thắng Sa-môn Gotama.

Một số Licchavi lại nói như sau:

– Làm sao chỉ là Niganthaputta Saccaka lại có thể luận thắng Thế Tôn? Thế Tôn sẽ luận thắng Niganthaputta Saccaka.

Rồi Niganthaputta Saccaka với khoảng năm trăm Licchavi vây quanh, cùng đi đến Đại Lâm, giảng đường Trùng Các.

Lúc bấy giờ một số đông các Tỷ-kheo đang đi qua lại giữa trời. Niganthaputta Saccaka đến các Tỷ-kheo, sau khi đến, liền nói với các vị ấy:

– Chư Tôn giả, nay Tôn giả Gotama ở đâu?

Chúng tôi muốn yết kiến Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, Thế Tôn sau khi đi sâu vào rừng Đại Lâm, đang ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

Rồi Niganthaputta Saccaka cùng với đại chúng Licchavi, sau khi đi sâu vào rừng Đại Lâm, đến tại chỗ Thế Tôn. Sau khi đến Niganthaputta Saccaka nói lên với Thế Tôn những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Một số Licchavi đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi nói lên với Thế Tôn những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi chấp tay vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi xưng tên họ của mình rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi im lặng ngồi xuống một bên.

Niganthaputta Saccaka sau khi ngồi xuống một bên nói với Thế Tôn:

– Tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama một vấn đề, nếu Tôn giả Gotama cho phép tôi được hỏi.

– Này Aggivessana, hãy hỏi như Ông muốn.

– Tôn giả Gotama huấn luyện đệ tử như thế nào?

Những bộ môn nào mà phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử?

– Này Aggivessana, như thế này Ta huấn luyện đệ tử. Với những bộ môn này, phần lớn Ta giảng dạy được dành cho đệ tử: *"Này các Tỷ-kheo, **sắc là vô thường**, **thọ** là vô thường, **tưởng** là vô thường, **hành** là vô thường, **thức** là vô thường. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã".* Như vậy này Aggivessana, Ta huấn luyện các đệ tử. Các bộ môn như vậy, phần lớn ta giảng dạy được dành cho đệ tử.

– Này Tôn giả Gotama, tôi có một ví dụ.

Thế Tôn nói:

– Này Aggivessana, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Như các hột giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh là vì tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy các hột giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh. Tôn giả Gotama, như các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác, tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy, các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác. Cũng

vậy, này Tôn giả Gotama, như người này mà tự ngã là sắc, nhờ nương tựa sắc làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là thọ, nhờ nương tựa thọ làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là tưởng, nhờ nương tựa tưởng làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là các hành, nhờ nương tựa các hành làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là thức, nhờ nương tựa thức làm thiện sự hay ác sự.

– Này Aggivessana, như vậy có phải ông nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta"?

– Tôn giả Gotama, như vậy tôi nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta". Và như đại chúng này cũng vậy.

– Này Aggivessana, đại chúng này có quan hệ gì với Ông? Này Aggivessana, hãy giải thích lời nói của Ông.

– Tôn giả Gotama, như vậy tôi nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta".

– Này Aggivessana, Ta sẽ hỏi Ông trở lại về vấn đề này. Ông có thể trả lời nếu Ông muốn. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Một vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu con bà Vedehi nước Magadha, vua này có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tẩn xuất những ai đáng bị tẩn xuất không?

– Tôn giả Gotama, một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu, con bà Vedehi nước Magadha, vua này có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tẩn xuất những ai đáng bị tẩn xuất. Này Tôn giả Gotama, cho đến các giáo đoàn, các đoàn thể, như các Vajji, các Malla, vẫn có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tẩn xuất những ai đáng bị tẩn xuất, còn nói gì một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu con bà Vedehi nước Magadha. Này Tôn giả Gotama, vị ấy có quyền hành ấy và xứng đáng có quyền hành ấy.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như

Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

Được nói vậy Niganthaputta Saccaka giữ im lặng. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Niganthaputta Saccaka:

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

– Lần thứ hai, Niganthaputta Saccaka vẫn giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với Niganthaputta Saccaka:

– Này Aggivessana, nay Ông phải trả lời. Nay không phải lúc Ông giữ im lặng nữa. Này Aggivessana, ai được Như Lai hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu của người ấy sẽ bị bể ra làm bảy mảnh tại chỗ.

Lúc bấy giờ thần Dạ xoa Vajirapani (Kim Cang Thủ) đang cầm một chùy sắt to lớn, cháy đỏ, sáng

chói, đứng trên không trên đầu Niganthaputta Saccaka với ý định: "Nếu Thế Tôn hỏi đến câu hỏi thứ ba, một câu hỏi hợp lý mà Niganthaputta Saccaka không trả lời, thì ta sẽ đánh bể đầu nó ra làm bảy mảnh". Chỉ có Thế Tôn và Niganthaputta Saccaka mới thấy thần Dạ xoa Vajirapani. Niganthaputta Saccaka sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng, ngược, chỉ tìm thấy sự che chở nơi Thế Tôn, chỉ tìm thấy sự an ổn nơi Thế Tôn, chỉ tìm thấy sự nương tựa nơi Thế Tôn, liền bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama hãy hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", thì Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Thọ là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với thọ ấy và có nói được, rằng: "Thọ của tôi

phải như thế này, thọ của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Tưởng là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với tưởng ấy và có nói được rằng: "Tưởng của tôi phải như thế này, tưởng của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Các hành là tự ngã của ta", Ông quyền hành gì đối với tự ngã ấy và có nói được rằng: "Các hành của tôi phải như thế này, các hành của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Thức là tự ngã của ta", Ông quyền hành gì đối với tự ngã ấy và có nói được rằng: "Thức của tôi phải như thế này, thức của tôi không phải như thế này" không?

- Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông.

Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc?

– Là khổ, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường, khổ, biến hoại; có hợp lý

chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Thọ... (như trên)... tưởng... (như trên)... các hành... (như trên)... Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường, khổ, biến hoại; có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Ai ái luyến khổ, chấp trước khổ, tham đắm khổ, quán khổ và nói: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Người ấy có thể liễu tri cái khổ của tự mình hay có thể sống trừ diệt khổ không?

– Làm sao có thể được, Tôn giả Gotama? Không thể như vậy, Tôn giả Gotama.

– Này Aggivessana, như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi chỗ này chỗ kia tìm kiếm lõi cây. Người ấy cầm một cái búa sắc bén, đi vào rừng. Người ấy có thể thấy ở đây thân một cây chuối lớn thẳng đứng, còn trẻ, không có khúc đốt. Người ấy có thể chặt gốc cây ấy. Sau khi chặt gốc cây, người ấy chặt ngọn cây. Sau khi chặt ngọn cây, người ấy có thể lột ra các lá cuộn tròn. Nhưng khi lột ra các lá cuộn tròn, người ấy không tìm được giác cây, còn nói gì đến lõi cây.

Cũng vậy này Aggivessana, khi được Ta hỏi, Ta cật vấn, Ta chất vấn về những lời của Ông, Ông đã tự tỏ ra trống rỗng, trống không, thất bại. Nhưng này Aggivessana, những lời nói mà Ông tuyên bố cho hội chúng ở Vesali: *"Ta không thấy một Sa-môn hay Bà-la-môn nào, là vị Hội chủ, là vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, dầu có tự cho là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, khi đối thoại với Ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không bị toát mồ hôi nách. Dầu Ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường"*. Nhưng chính

từ nơi trán của Ông, này một người thường. Nhưng chính từ nơi trán của ông, này Aggivessana, những giọt mồ hôi đang chảy xuống, sau khi thấm qua thượng y, đang rơi xuống đất. Còn Ta, này Aggivessana, nay không có mồ hôi nào trên thân Ta.

Rồi Thế Tôn để lộ kim thân cho Hội chúng ấy thấy. Khi nghe nói vậy, Niganthaputta Saccaka im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, ngồi bàng hoàng, không nói một lời.

Rồi Dummukha, một người con Licchavi, biết được Niganthaputta Saccaka im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, ngồi bàng hoàng, không nói một lời, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có một ví dụ.

Thế Tôn nói:

– Này Dummukha, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Bạch Thế Tôn, như một hồ sen không xa làng hay thị trấn bao nhiêu, ở đây có con cua. Bạch Thế Tôn, rồi một số đông con trai hay con gái đi ra khỏi làng hay thị trấn ấy, đến tại hồ sen kia, sau khi đến, lặn xuống hồ nước ấy bắt con cua lên và đặt nó trên đất khô. Bạch Thế Tôn, khi con cua này thò ra cái

càng nào, thì các đứa con trai hay con gái ấy, với cái gậy hay miếng sành, chặt, bẻ gãy và đập nát cái càng ấy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con cua ấy bị chặt, bị bẻ gãy, bị đập nát tất cả càng, không thể lội xuống hồ sen ấy như trước.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, mọi khúc thuyết, gian kế, tranh luận của Niganthaputta Saccaka đã bị Thế Tôn chặt đứt, bẻ gãy, đập tan. Và nay, bạch Thế Tôn, Niganthaputta Saccaka, không thể đến gặp Thế Tôn, chớ đừng nói là có ý định đàm luận.

Khi được nghe nói vậy, Niganthaputta Saccaka nói với Licchavi Dummukha:

– Ông hãy ngừng nói, Dummukha! Ông hãy ngừng nói, Dummukha! Chúng tôi không đàm luận với Ông. Chúng tôi đang đàm luận với Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama, hãy để yên những lời nói của chúng tôi và lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn khác. Tôi nghĩ cuộc đàm luận vô bổ này thật đáng hối tiếc! *Cho đến mức độ nào, một đệ tử Thanh văn của Tôn giả Gotama trở thành tuân phụng giáo điển, chấp nhận giảng huấn, nghi ngờ được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu vô úy, sống trong giáo hội Bổn Sư, khỏi phải nương tựa vào ai?*

– Ở đây, này Aggivessana, đệ tử Thanh văn của

Ta, đối với mọi sắc pháp, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: *"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"*. Đối với mọi cảm thọ... đối với mọi tưởng... đối với mọi hành... đối với mọi thức, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Cho đến mức độ như vậy, này Aggivessana, một đệ tử Thanh văn của Ta trở thành tuân phụng giáo điển, chấp nhận giảng huấn, nghi ngờ được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu vô úy, sống trong giáo hội Bổn Sư, khỏi phải nương tựa một ai.

– *Cho đến mức độ nào, này Tôn giả Gotama, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát?*

– Ở đây, này Aggivessana, Tỷ-kheo đối với bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các sắc pháp, sau khi như thật quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải

là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", chứng được vô chấp thủ giải thoát. Đối với bất cứ thọ nào... bất cứ tưởng nào... bất cứ hành nào... đối với bất cứ thức nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các thức, sau khi như thật quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", **chứng được vô chấp thủ giải thoát**. Cho đến mức độ này, này Aggivessana, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát. *Với tâm giải thoát như vậy, này Aggivessana, Tỷ-kheo thành tựu ba pháp vô thượng: Kiến vô thượng, Đạo vô thượng, Giải thoát vô thượng*. **Được giải thoát như vậy, này Aggivessana, vị ấy chỉ kính lễ, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường Như Lai**: "Thế Tôn đã giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ. Thế Tôn đã điều phục, Ngài thuyết pháp để điều phục. Thế Tôn đã tịch tĩnh, Ngài thuyết pháp để tịch tĩnh. Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để vượt qua. Thế Tôn đã chứng Niết-bàn, Ngài thuyết pháp để chứng Niết-bàn".

Được nghe nói vậy, Niganthaputta bạch với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, chúng tôi thật là lỗ mãng, chúng tôi thật là khinh suất. Chúng tôi đã dám nghĩ dùng lời nói để luận chiến với Tôn giả Gotama! Này Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con voi điên, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu chống Tôn giả Gotama! Này Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu chống đám lửa hừng, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu chống Tôn giả Gotama! Này Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con rắn độc dữ tợn, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu với Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, chúng tôi thật lỗ mãng, chúng tôi thật là khinh xuất. Chúng tôi đã dám nghĩ, dùng lời nói để luận chiến với Tôn giả Gotama! Mong Tôn giả Gotama nhận lời, ngày mai dùng bữa ăn của tôi cùng với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi Niganthaputta Saccaka, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền nói với các Licchavi:

– Các Tôn giả Licchavi hãy nghe tôi. Sa-môn Gotama ngày mai được mời ăn với chúng Tỷ-kheo. Hãy đem đến cho tôi những gì quý vị nghĩ là hợp

thời.

Rồi những Licchavi ấy, sau khi đêm ấy đã mãn cho đem đến Niganthaputta Saccaka khoảng năm trăm phần cơm cúng dường nấu với sữa. Rồi Niganthaputta Saccaka, tại vườn của mình, cho soạn các món ăn thịnh soạn, loại cứng và loại mềm, rồi cho báo tin giờ cho Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, nay đã đến giờ. Cơm đã sửa soạn xong.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến khu vườn của Niganthaputta Saccaka, sau khi đến, Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Rồi Niganthaputta Saccaka, tự tay hầu hạ các món ăn thịnh soạn loại cứng và loại mền cho chúng Tỷ-kheo, cầm đầu là đức Phật. Rồi Niganthaputta sau khi biết Thế Tôn dùng bữa ăn đã xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Niganthaputta Saccaka bạch Thế Tôn:

– Này Tôn giả Gotama, trong cuộc bố thí này, nếu có công đức và công đức địa, mong rằng những vị bố thí sẽ được hưởng hạnh phúc.

– Này Aggivessana, sẽ có (công đức) cho những

người bố thí, đối với người đáng được cúng dường như Ông, dầu Ông không phải là không có tham, không phải là không có sân, không phải là không có si; sẽ có (công đức) cho Ông, này Aggivessana, đối với người đáng được cúng dường như Ta, và Ta là người không có **tham**, không có **sân**, không có **si**.

3 Chủ loài Dạ Xoa - Đại vương Kuvera(Vessavana), phương Bắc - Kinh A-SÁ-NANG-CHI – 32 Trường II, 549

KINH A-SÁ-NANG-CHI
(ATANATIYA SUTTANA)
– Bài kinh số 32 – *Trường* II, 549

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá), núi Gijjhakùta (Linh Thứu). Bốn Thiên vương sau khi sắp đặt trấn giữ bốn phương với đại quân Yakkha (Dạ-xoa), đại quân Gandhabba (Càn-thát-bà), đại quân Kumbhanda (Cưu-bàn-trà) và đại quân Nàga (Na-già), án ngữ bốn phương, bảo trì bốn phương, trong đêm tối thâm sâu, với hào quang tuyệt diệu chói sáng toàn thể núi Linh Thứu, đến tại chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Các vị Dạ-xoa, có vị đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm, rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên tên họ rồi ngồi xuống một bên; có vị im lặng, rồi ngồi xuống một bên.

2. Sau khi ngồi xuống một bên, đại vương Vessavana (Tỳ-sa-môn) bạch Thế Tôn:

- → Bạch Thế Tôn, có những thượng phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn có những thượng phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn,
- → Bạch Thế Tôn, có những trung phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn, có những trung phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn.
- → Bạch Thế Tôn, có những hạ phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn, có những hạ phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn.
- → Bạch Thế Tôn, nhưng phần lớn các Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn. **Vì sao vậy ?** Bạch Thế Tôn. Thế Tôn thuyết pháp để từ bỏ sát sanh, thuyết pháp để từ bỏ trộm cắp, thuyết pháp để từ bỏ tà dâm, thuyết pháp để từ bỏ nói láo, thuyết pháp để từ bỏ không uống các loại rượu. Bạch Thế Tôn, tuy vậy phần lớn các Dạ-xoa đều không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cắp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ uống các loại rượu. Đối với họ, Pháp ấy không được ưa thích, không được đón mừng.
- → Bạch Thế Tôn, có những đệ tử của Thế Tôn, sống trong chốn thâm sâu cùng cốc, ít tiếng, ít

động, có gió mát từ ngoài đồng thổi, che dấu không cho người thấy, thích hợp tịnh tu. Tại chỗ ấy, có những thượng phẩm Dạ-xoa không tin tưởng lời dạy Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, hãy học chú Atànàtiyarakkha (A-sá-nang-chi Hộ Kinh) để họ được lòng tin, để các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ có thể sống an lạc, được che chở, được hộ trì không bị tai họa.

Thế Tôn im lặng chấp thuận.

3. Rồi đại vương Vessavana, biết được Thế Tôn đã chấp thuận, trong giờ phút ấy, đọc lên **bài Atànàtiya Hộ Kinh**:

- Đảnh lễ Vipassi (Tỳ-bà-thi),
Sáng suốt và huy hoàng!
- Đảnh lễ đấng Sikhi (Thi-khí)
Có lòng thương muôn loài!
- Đảnh lễ Vessabha (Tỳ-xá-bà),
Thanh tịnh, tu khổ hạnh!
- Đảnh lễ Kakusandha (Câu-lâu-tôn),
Vị nhiếp phục ma quân!
- Đảnh lễ Konàgamana, (Câu-na-hàm)
Bà-la-môn viên mãn!
- Đảnh lễ Kassapa (Ca-diếp),
Vị giải thoát muôn mặt!
- Đảnh lễ Angirasa,

Vị Thích tử huy hoàng,
Đã thuyết chơn diệu pháp,
Diệt trừ mọi khổ đau!

Ai yểm ly thế giới,
Nhìn đời đúng như chơn,
Vị ấy không hai lưỡi,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
- Cùng đảnh lễ Gotama,
Lo an lạc Nhơn Thiên
Trì giới đức viên mãn!
Bậc vĩ đại thanh thoát!

4.

Mặt trời sáng mọc lên,
Vầng thái dương tròn lớn,
Khi mặt trời mọc lên,
Đêm tối liền biến mất.

Khi mặt trời mọc lên
Liền được gọi là ngày.
Biển cả hải triều động,
Như hồ nước thâm sâu.
Ở đấy mọi người biết,
Chính biển cả hải triều,
Dân chúng gọi phương ấy
Là phương Purimà, ***(phương Đông).***

Vị trị vì phương ấy,
Bậc đại vương danh xưng,
Chủ loài Càn-thát-bà,
Danh gọi ***Dhatarattha (Trì Quốc Thiên vương).***
Càn-thát-bà hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhơn cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".

5.

Họ được gọi Peta,
Nói hai lưỡi, sau lưng,
Sát sanh và tham đắm,
Đạo tặc và man trá,
Dân chúng gọi phương ấy,
*Là **phương Dakkhinà (phương Nam).***
Vị trị vì phương ấy,
Bậc đại vương, danh xưng,
Chủ loài Kumbhanda (Cưu-bàn-trà)
Danh gọi Virùlhaka (Tỳ-lâu-lặc).
Kumbhanda hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhơn cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,

Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".

6.

Mặt trời sáng lặn xuống,
Vầng thái dương trong lớn.
Khi mặt trời lặn xuống.
Ban ngày liền biến mất.
Khi mặt trời lặn xuống,
Liền được gọi là đêm.
Biển cả hải triều động,
Như hồ nước thâm sâu,
Ở đây mọi người biết,
Chính biển cả hải triều,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương ***Pacchimà (phương Tây).***
Vị trị vì phương ấy,
Bậc đại vương, danh xưng.
Chủ các loài Nàgà,
Danh Virùpakkha (Tỳ-lâu-bác-xoa).
Loài Nàgà hầu quanh,

Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhơn cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".

7.

Bắc Lô Châu (Uttarakurù) *an lạc*
Đại Neru (Tu-di) đẹp đẽ.
Tại đấy, mọi người sống

Không sở hữu, chấp trước.
Họ không gieo hột giống,
Không cần phải kéo cày.
Loài người được thọ hưởng
Lúa chín khỏi nhọc công.
Loại gạo không cám trấu,
Thanh tịnh có hương thơm,
Được nấu chín trên đá,
Và họ ăn gạo ấy.
Chỉ cỡi loài bò cái,
Đi phương này phương khác.
Chỉ dùng các loài thú
Đi phương này phương khác.
Dùng xe đàn bà kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe đàn ông kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe con gái kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe con trai kéo,
Đi phương này phương khác.
Họ lên trên các xe,
Đi khắp mọi phương hướng,
Để phục vụ vua mình.
Họ cỡi xe voi kéo,
Xe ngựa, xe chư Thiên,
Đối với vua danh xưng,

Có lâu đài, có kiệu,
Nhiều thành phố của vua,
Được xây giữa hư không.
Các thành Atànàtà,
Kusinàtà, Parakusinàtà, Nàttapuriyà,
Parakusitannàtà
Kapìvanta thuộc phía Bắc,
Và các thành phố khác,
Như Janogha, Navanavatiya,
Ambara, Ambaravatiya,
Alakamandà,
Là kinh đô của vua,
Chỗ Kuvera ở.
Vị vua đáng kính này,
Kinh đô tên Visànà.
Do vậy Kuvera,
Được danh Vessavana.
Các sứ quán được tên:
Tatolà, Tattalà, Tatotalà,
Ojasi, Tejasi, Tatojasi,
Vua Sùra, Arittha, Nemi.
Đây có vùng nước lớn,
Từ đây mưa đổ xuống,
Được tên Dharanì.
Tại đây mưa đổ xuống,
Được tên Dharanì.
Tại đây có giảng đường,

Tên Bhagalavati,
Chỗ Dạ-xoa tập hội.
Tại đây nhiều cây trái,
Trên cây chim tụ họp,
Các loại công, loại cò,
Diệu âm chim Kokilà,
Ở đây, chim Jiva,
Kêu tiếng "Hãy sống đi",
Và tiếng chim kêu lên,
"Hãy khởi tâm thích thú".
Nhiều loại chim sai khác,
Ở rừng và ở hồ,
Với con vẹt ồn ào,
Và con chim Mynah,
Các loại chim thần thoại,
Gọi là Dandamànavakà.
Hồ sen Kuvera,
Chiếu sáng tất cả trời,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương Uttarà (phương Bắc).
Vị trị vì phương ấy,
Bậc đại vương danh xưng,
Chủ các loài Dạ-xoa,
Được gọi ***Kuvera.***
Các Dạ-xoa hầu quanh,
Hưởng múa hát của chúng.
Vua này có nhiều con,

Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhơn cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".

8. Tôn giả, **Hộ Kinh Atànàtiya này che chở, hộ trì, ngăn không cho ai làm hại các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ và khiến các vị này sống an lạc.**

Khi một vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ nào sẽ học Hộ Kinh Atanatiya này một cách chín

chắn, rõ ràng, nếu có loài phi nhân nào, Dạ-xoa, Dạ-xoa-ni, con trai Dạ-xoa, con gái Dạ-xoa, đại thần Dạ-xoa-ni, tùy tùng của Dạ-xoa, hay lao công của Dạ-xoa; hoặc Càn-thát-bà... hoặc Cưu-bàn-trà (Kumbhanda)... hoặc Nàga... đi theo vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ khi vị này đi; đứng gần, khi vị này đứng; ngồi khi vị này ngồi; nằm khi vị này nằm với tâm niệm độc ác, thời này Tôn giả, vị phi nhân ấy trong làng hay trong đô thị sẽ không được ai đón mừng hay kính trọng. Này Tôn giả, phi nhân ấy, trong kinh đô Alakamada của Ta sẽ không tìm được đất đai hay chỗ ở. Vị phi nhân ấy sẽ không được đi dự hội giữa các Dạ-xoa. Này Tôn giả, vị phi nhân ấy sẽ không được cưới hỏi. Này Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ dùng những lời nói hỗn láo xấc xược đối với vị ấy. Này Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ dìm đầu vị ấy xuống. Này Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ chẻ đầu vị ấy ra làm bảy mảnh.

9. Này Tôn giả, có hàng phi nhân hung bạo, dữ tợn, khủng khiếp. Chúng không nghe lời các đại vương, không nghe lời đình thần của các vị đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần của các vị đại vương. Này Tôn giả, các phi nhân này được xem là thù nghịch của các bậc đại vương.

Này Tôn giả, như các đại tướng cướp vua xứ Magadha bị chinh phục. Cũng vậy, các vị này không nghe lời các vị đại vương, không nghe lời đình thần của các vị đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần của các vị đại vương. Này Tôn giả, các vị đại tướng cướp này được xem là kẻ thù nghịch của vua xứ Magadha. Cũng vậy, này Tôn giả, có những vị phi nhân hung bạo, dữ tợn, khủng khiếp. Các vị này không nghe lời các đại vương, không nghe lời đình thần của các vị đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần các vị đại vương. Này Tôn giả, các vị phi nhân này được xem là kẻ thù nghịch của các bậc đại vương.

Này Tôn giả, nếu có vị phi nhân nào, Dạ-xoa hay Dạ-xoa-ni nào... đi theo vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ hay Nữ cư sĩ khi vị này đi, đứng gần khi vị này đứng; ngồi khi vị này ngồi; nằm khi vị này nằm với tâm niệm độc ác, vị này hãy nói lên, kêu lên, van lên với các những vị Dạ-xoa ấy, đại Dạ-xoa ấy, quân sư, đại quân sư ấy: *"Dạ-xoa này bắt tôi, Dạ-xoa này tấn công tôi, Dạ-xoa này đả thương tôi, Dạ-xoa này hại tôi, Dạ-xoa này làm hại tôi, Dạ-xoa này không thả tôi ra"*.

10. Những Dạ-xoa, đại Dạ-xoa, quân sự, đại quân sư nào được kêu gọi ở đây:

Inda, Soma, và Varuna,
Bhàradvaja, Pajàpati,
Candana, Kàmasettha,
Kinnughandu, Nighandu,
Panàda và Opamanna,
Devanita và Màtali,
Cittasena và Gandhabba.
Vua Nala, Janesabha,
Sàtàgira Hemavata,
Punnuaka, Karatiya, Gula,
Sivakat và Mucalinda
Vessàmitta, Yugandhara,
Gopàla và Suppagedha,
Hirì, Settì và Mandiya,
Pancàla Canda, Alavaka,
Pajjunna, Sumana, Sumukha,
Dadhimukha Mani Mànicara, Dìgha,
Atha và Serissaka.

Những vị này là những Dạ-xoa, đại Dạ-xoa, quân sư, đại quân sư cần phải được nói lên, kêu lên, van lên: "Dạ-xoa này bắt tôi, Dạ-xoa này tấn công tôi, Dạ-xoa này đả thương tôi, Dạ-xoa này hại tôi, Dạ-xoa này làm hại tôi, Dạ-xoa này không thả tôi ra".

11. Này Tôn giả, đây là Hộ Kinh Atànàtiyà che chở, hộ trì, ngăn không cho ai làm hại các Tỷ-kheo, Tỷ-

kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ và khiến các vị này sống an lạc.

- Thưa Tôn giả, nay chúng tôi cần phải đi, chúng tôi có nhiều việc, có nhiều bổn phận.

- Đại vương, Đại vương hãy làm điều gì Đại vương nghĩ là phải thời.

Rồi bốn vị đại vương, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về phía Ngài rồi biến mất tại đấy.

Các vị Dạ-xoa ấy, từ chỗ ngồi đứng dậy, có vị đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ; có vị nói lên những lời hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ; có vị chấp tay hướng đến Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ; có vị nói lên tên họ của mình rồi biến mất tại chỗ; có vị im lặng biến mất tại chỗ.

12. Rồi Thế Tôn sau khi đêm đã mãn, liền gọi các vị Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, khi hôm, Bốn vị đại vương cùng với đại quân sư Dạ-xoa:

"Đảnh lễ Vipassi (Tỳ-bà-thi)
Sáng suốt và huy hoàng;

Đảnh lễ đấng Sikhi, (Thi-khí)
Có lòng thương muôn loài...

Này Tôn giả, đó là hộ kinh Atànàtiyà che chở, hộ trì, ... (như trên) ... rồi biến".

13. **Này các Tỷ-kheo, hãy học Hộ Kinh Atànàtiyà này, hãy thuộc lòng Kinh Atànàtiyà này. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ được che chở, được hộ trì, được ngăn khỏi ai làm hại, được sống thoải mái hạnh phúc.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ thọ trì lời dạy Thế Tôn.

4 Dạ xoa khuyến khích đến đảnh lễ Thế Tôn - Kinh Sudatta – Tương I, 465

Sudatta – *Tương* I, 465

1) Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), tại rừng Siìta.

2) Lúc bấy giờ cư sĩ Anàthapindika (Cấp Cô Độc) đã đến Ràjagaha để làm một vài công việc.

3) Cư sĩ Anàthapindika được nghe đức Phật đã ra đời và muốn đến yết kiến Thế Tôn.

4) Rồi cư sĩ Anàthapindika suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn. Ngày mai mới phải thời ta đến yết kiến Thế Tôn". Như vậy với ý nghĩ đi yết kiến đức Phật, ông Anàthapindika nằm ngủ. Trong đêm, ông ấy thức dậy **ba lần**, tưởng rằng trời đã sáng.

5) Rồi cư sĩ Anàthapindika đi đến cửa Sìvatthika (nghĩa địa), và có những phi nhân mở cửa.

6) Và khi ông ra khỏi thành phố, ánh sáng biến mất và bóng tối hiện ra. Ông sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược và muốn đi trở về.

7) Rồi Dạ-xoa Sìvaka ẩn hình, lên tiếng như sau:

Trăm voi và trăm ngựa,
Trăm xe do ngựa kéo,
Cả trăm ngàn thiếu nữ,
Được trang sức bông tai,
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi tới này.
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Tiến tới, tốt đẹp hơn,
Chớ có lui, thối bước!

8) Rồi với Anàthapindika, tối tăm biến mất, ánh sáng hiện ra. Và sợ hãi, hốt hoảng, lông tóc dựng ngược đã khởi lên được dịu hẳn xuống.

9) Lần thứ hai... (như trên)...

10) Lần thứ ba, với Anàthapindika, ánh sáng biến mất, bóng tối hiện ra. Và sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược khởi lên. Và Anàthapindika muốn trở lui. Lần thứ ba, Dạ-xoa Sìvaka ẩn hình lên tiếng như sau :

Trăm voi và trăm ngựa,
Trăm xe do ngựa kéo,
Cả trăm ngàn thiếu nữ,

Được trang sức bông tai,
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi tới này.
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Tiến tới, tốt đẹp hơn,
Chớ có lui, thối bước!

11) Rồi với Anàthapindika, bóng tối biến mất, ánh sáng hiện ra và sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược đã khởi lên được dịu bớt.

12) Rồi Anàthapindika đi đến rừng Sìta, đi đến Thế Tôn.

13) Lúc bấy giờ Thế Tôn thức dậy vào lúc đêm vừa mãn và đang đi kinh hành ngoài trời.

14) Thế Tôn thấy Anàthapindika từ xa đi đến, khi thấy vậy, từ chỗ kinh hành đi xuống, và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với cư sĩ Anàthapindika:

- *Hãy đến đây, Sudatta!*

15) Rồi cư sĩ Anàthapindika nghĩ: "Thế Tôn kêu tên ta", rồi cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ngủ có an lạc chăng ?

(Thế Tôn):

Bà-la-môn tịch tịnh,
Luôn luôn sống an lạc,
Không đèo bồng dục vọng,
Thanh lương, không sanh y,
Mọi ***ái*** *trước đoạn diệt,*
Tâm khổ não điều phục,
Tịch tịnh, sống an lạc,
Tâm tư đạt hòa bình.

5 Dạ xoa mẹ dạy con ráng nghe hiểu Pháp cú để thoát kiếp Dạ xoa - Kinh Piyankara – Tương I, 462

Piyankara – *Tương* I, 462

1) Một thời Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Anuruddha thức dậy khi đêm vừa mới sáng, đang **tụng đọc** **pháp cú.**

3) Một nữ Dạ-xoa, mẹ của Piyankara dỗ cho con nín như sau:

Này Piyankara,
Chớ có sanh tiếng động,
Vị Tỳ-kheo đang tụng,
Những lời về ***pháp cú.***
Nếu chúng ta biết được,
Học được pháp cú này,
Rồi như pháp hành trì,
Chúng ta được lợi ích.

Không sát hại sanh vật,
Không cố ý nói láo,
Tự học tập ***giới*** *luật,*

Chúng ta thoát ngạ quỷ.

6 Dạ xoa ám ảnh con một nữ cư sĩ - Kinh Sanu – Tương I, 459

Sanu – *Tương* I, 459

1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, **Sànu, con một nữ cư sĩ bị Dạ-xoa ám ảnh.**

3) Nữ cư sĩ ấy than khóc, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

Con ta là La-hán,
Đối với ta là vậy,
Và chính ta được nghe,
Vị La-hán nói vậy.
Nay ta thấy Sànu,
Bị Dạ-xoa ám ảnh.

Ngày mười bốn, mười lăm,
Và ngày tám nửa tháng,
Cả ngày lễ đặc biệt,
Khéo tu tám trai giới,
Tuân trì lễ Bố-tát.
Và chính ta được nghe,
Vị La-hán nói vậy,

Nay ta thấy Sànu,
Bị Dạ-xoa ám ảnh.

Ngày mười bốn, mười lăm,
Và ngày tám nửa tháng,
Cả ngày lễ đặc biệt,
Khéo tu tám trai giới,
Tuân trì lễ Bố-tát.

Những ai sống Phạm hạnh,
Dạ-xoa không ám ảnh,
Và chính ta được nghe,
Vị La-hán nói vậy.

Người nói với Sànu,
Có trí và sáng suốt,
Đây là lời Dạ-xoa,
Chớ có làm điều ác,
Công khai hay bí mật.
Nếu người làm điều ác,
Sẽ làm hay đang làm,
Ông không thoát khổ đau,
Dầu có đứng lên chạy,
Chạy một mạch, chạy dài.

(Sànu được khỏi ám ảnh):

4) Này mẹ, người ta khóc,
Là khóc cho người chết,
Hay khóc cho người sống,

Nhưng không được thấy mặt?
Này mẹ, chúng thấy con,
Hiện có mặt đang sống.
Vậy sao mẹ khóc con,
Này người mẹ (thân yêu)?

(Bà mẹ):

5) Người ta khóc cho con,
Là khóc cho con chết,
Hay khóc cho con sống,
Nhưng không được thấy mặt.
Ai đã bỏ dục vọng,
Lại trở lui đời này,
Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn sống cũng như chết.

Nay con được kéo ra,
Khỏi than hừng đỏ rực,
Con còn muốn rơi vào,
Đống than hồng ấy chăng?

Nay con được thoát ra,
Khỏi địa ngục (đau khổ),
Con còn muốn rơi vào,
Cõi địa ngục ấy chăng?

Hãy dong ruổi đời con,

Ta chúc con hạnh phúc,
Hãy sống như thế nào,
Không làm ai bực phiền.
Đồ vật thoát lửa cháy,
Con muốn đốt lại chăng?

7 Dạ- xoa Janavasabha muốn trở thành bậc Nhất Lai - Kinh XÀ–NI–SA – 18 Trường II, 53

KINH XÀNISA
(JANAVASABHA SUTTANTA)
– Bài kinh số 18 – Trường II, 53

I

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Nàdika (bộ lạc Na-đề-ca) tại Ginjakàvasatha (nhà làm bằng gạch). Lúc bấy giờ, Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã sống, đã từ trần và đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh như bộ lạc Kàsi (Ca-thi), Kosala (Câu-tát-la), Vajjì (Bạt-kỳ), Malla (Mạt-la), Ceti (Chi-đề), Vansa (Bạt-sa), Kuru (Câu-lâu), Pancàla (Ban-giá-la), Maccha (Bà-sá-la) Sùrasena (Mậu-ba-tây-na):

- Vị này sanh ra tại chỗ này! Vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ ở Nàdika đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh (thiên giới) từ đó nhập Niết-bàn

không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà, đã từ trần, đã mệnh chung, với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ tận diệt khổ đau. Hơn năm trăm vị Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung, với ba kiết sử đã được diệt trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác.

2. Các vị tín đồ ở Nàdikà được nghe: " Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã từ trần và đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh, như bộ lạc Kàsi, Kosala, Vajjì, Malla, Ceti, Vamsa, Kuru, Pancàla, Macchà, Sùrasena: " Vị này sanh ra tại chỗ này. Vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh (Thiên giới) từ đó nhập niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác ". Các vị tín đồ ở Nàdikà được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy, lấy làm hoan

hỷ, tín thọ, an lạc.

3. Tôn giả Ananda được nghe: " Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã từ trần, đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh, như bộ lạc Kàsi, Kosala, Vajjì, mallà, Ceti, Vamsa, Kuru, Pancàla, Macchà, Sùrasena: " Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn 50 vị tín đồ Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh (thiên giới) từ đó nhập Niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nãdikã đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được diệt trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác ". Các vị tín đồ ở Nãdikã được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy lấy làm hoan hỷ, tín thọ, an lạc".

4. Rồi tôn giả Ananda suy nghĩ: " Nhưng ở tại Magadha (Ma-kiệt-đà), có nhiều tín đồ đã tu hành lâu ngày và đã từ trần, mệnh chung, nhiều đến nỗi người ta tưởng hai xứ Anga (Ương-già) và Magadha đều trống không vì số tín đồ từ trần mệnh chung. Những vị này tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp và tin

tưởng Tăng, và giới luật đầy đủ. Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và sự mệnh chung của họ. Lành thay nếu gợi được một câu trả lời về họ, nhờ vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiện giới. Lại có vua Seniya Bimbisàra (Tư-ni-du Tần-bà-sa) xứ Magadha sống như Pháp, dùng Chánh pháp trị nước, có lòng thương tưởng các vị Bà-la-môn, Gia chủ, dân chúng thị thành và dân chúng thôn quê. Vua này được dân chúng xưng tán như sau: " Vị vua sống như pháp, dùng chánh pháp trị nước, đã làm cho chúng ta sung sướng, vị này mệnh chung. Chúng ta đã sống thật hạnh phúc dưới thời vua sống như Pháp và dùng Chánh pháp trị nước này. Vị vua này cũng tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ ". Và dân chúng cũng nói: " Cho đến khi mệnh chung, vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha luôn luôn tán dương Thế Tôn ". Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của vị vua này. Lành thay, nếu gợi được câu trả lời về vị vua này, nhờ vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin và từ đó được sanh lên thiên giới. Lại nữa Thế Tôn chứng quả Bồ-đề tại Magadha. Thế Tôn đã chứng quả Bồ-đề ở Magadha thì sao Ngài lại không nói đến về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha ? Nếu Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha thời các vị này sẽ đau buồn và nếu các vị này đau buồn thời sao

Thế Tôn có thể không trả lời được ? "

5. Sau khi đã suy nghĩ một mình, yên lặng, vì các tín đồ ở Magadha, tôn giả Ananda sáng hôm sau thức dậy đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn con có nghe: Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã từ trần, đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh, như bộ lạc Kàsi, Kosala, Vajjì, Malla, Ceit, Vamsa, Kuru, Pancàla, Macchà, Sùrasena: " Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ ở Nadikà đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được nhập Niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất Lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác ". Các vị tín đồ ở Nàdikà được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy lấy làm hoan hỷ, tín thọ, an lạc.

6. Bạch Thế Tôn, nhưng ở tại Magadha có nhiều tín

đồ này tu hành lâu ngày và đã từ trần, mệnh chung, nhiều đến nỗi người ta tưởng hai xứ Anga và magadha đều trống không vì số tín đồ từ trần mệnh chung. Những vị này tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ. Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của họ. Lành thay nếu gợi được một câu trả lời về họ, và như vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên Thiên giới. Bạch Thế Tôn, lại có vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha, sống như Pháp, dùng Chánh pháp trị nước, có lòng thương tưởng các vị Bà-la-môn, Gia chủ, dân chúng thị thành và dân chúng thôm quê. Vua này được dân chúng xưng tán như sau: " Vị vua sống như Pháp, và dùng Chánh pháp cai trị nước này. Vị Vua này cũng tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ ". Và dân chúng cũng nói: " Cho đến khi mệnh chung, vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha luôn luôn tán dương Thế Tôn ". Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của vị vua này. Lành thay nếu gợi được câu trả lời về vị vua này, nhờ vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiên giới. Bạch Thế Tôn, lại nữa Thế Tôn đã chứng quả Bồ-đề ở Magadha. Thế Tôn đã chứng quả Bồ đề ở Magadha, thời sao Ngài không nói về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha. Nếu Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của các tín

đồ ở Magadha, thời các vị này sẽ đau buồn, và nếu các vị này đau buồn thời sao Thế Tôn có thể không thể trả lời được ?

Tôn giả Ananda, vì các tín đồ ở Magadha, sau khi đã trình lên trước Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, từ tạ ra đi.

7. Sau khi tôn giả Ananda đi ra không bao lâu, Thế Tôn liền đắp y vào buổi sáng, tay cầm y bát, đi vào Nàdikà để khất thực. Khi khất thực ở Nàdikà xong, sau buổi ăn, khi đi khất thực về và rửa chân, Ngài vào ngôi nhà bằng gạch, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, suy nghĩ, tư duy chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: " Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ. Các Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng như thế nào ? " Thế Tôn thấy được chỗ thọ sanh và vận mạng của các Hiền nhân tín đồ ở xứ Magadha này. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, sau khi tịnh niệm, bước ra khỏi ngôi nhà bằng gạch, rồi ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, dưới bóng ngôi nhà.

8. Rồi Tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn ở, lúc đến xong, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ngó thật là an tịnh; diện

sắc của Thế Tôn như là sáng chói nhờ các căn thật sự thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hôm nay an trú có được hoan hỷ không ?

9. - Này Ananda, sau khi Thầy, vì các tín đồ ở Magadha đã nói trước mặt Ta như vậy và đứng dậy ra về, Ta đi khất thực ở Nãdikã xong, sau bữa ăn, khi đi khất thực về và rửa chân, Ta vào ngôi nhà bằng gạch, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, suy nghĩ tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: " Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ. Các vị Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng như thế nào ? " Rồi Ta thấy được chỗ thọ sanh và vận mạng của các Hiền nhân tín đồ ở xứ Magadha này. Này Ananda, lúc bấy giờ một vị Dạ-xoa (Yakkha) ẩn mình lớn tiếng nói rằng: " Bạch Thế Tôn, con tên là Janavasabha. Bạch Thiện Thệ, con là Janavasabha ". *Này Ananda, Ngươi từ trước đã từng được nghe ai tên là Janavasabha (Xà-ni-sa) chưa ?*

- Bạch Thế Tôn, còn trừ trước chưa từng được nghe ai tên Janavasabha. Bạch Thế Tôn, khi con nghe tên Janavasabha, con có cảm giác râu tóc bị dựng ngược, Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: " Vị Dạ-xoa này không phải là hạng tầm thường, vì đã mang tên Janavasabha ".

10. - Này Ananda, khi những lời ấy được nói xong, vị Dạ-xoa ấy hiện ra trước mặt Ta, nhan sắc thật phi thường và lần thứ hai, vị ấy nói:

" – Bạch Thế Tôn, con là Bimbisàra ! Bạch Thiện Thệ, con là Bimbisàra ! Bạch Thế Tôn, nay là lần thứ bảy con được sanh vào dòng họ vua Vessavana (Tỳ sa môn Thiên Vương). Con chết đi trong địa vị làm vua ở nhơn gian, nay được sanh trên thiên giới, làm bậc phi nhân.

Từ đây đến bảy lần,
Từ kia đến bảy lần,
Mười bốn lần tái sanh,
Như vậy con biết được,
Đời quá khứ của con.

Bạch Thế Tôn, từ lâu con không còn đọa lạc vào ác thú vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai.

« - Thật hy hữu thay, Hiền giả Dạ- xoa Janavasabha ! Thật kỳ diệu thay, Hiền giả Dạ - xoa Janavasabha đã nói với Ta : « Bạch Thế Tôn, đã lâu con không còn đọa lạc vào ác thú, vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai ». *Do nguyên nhân gì, Hiền giả Dạ-xoa Janavasabha tự biết mình đã đạt được địa vị cao thượng, thù thắng như vậy ? »*

11. « - Bạch Thế Tôn, không gì khác ngoài giáo lý của Ngài ! Bạch Thiện Thệ, không gì khác ngoài giáo lý của Ngài ! Từ khi con nhất hướng quy y và tín ngưỡng Thế Tôn, từ khi ấy con không còn đọa lạc vào ác thú, vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai.

Bạch Thế Tôn, con được vua Vessavana (Tỳ sa môn Thiên vương) nhờ con đi đến vua Virùlhaka (Tăng Trưởng thiên vương) có chút công việc, giữa đường con thấy Thế Tôn vào ngôi nhà bằng gạch suy nghĩ tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha : "Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ,vận mạng của họ. Các Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng thế nào ?"

Bạch Thế Tôn ! Không thể kỳ diệu sao được khi con đối mặt tự thân nghe từ miệng vua Vessavana nói với hội chúng của mình, các Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mệnh như thế nào ? Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ : "Ta sẽ đến yết kiến Thế Tôn ! Ta sẽ đề cập vấn đề với Thế Tôn !". Bạch Thế Tôn, đó là hai nguyên nhân khiến con đến yết kiến Thế Tôn !

12. " Bạch Thế Tôn, trong những ngày xưa, những ngày xa xưa, nhân **đêm trăng rằm Bố-tát** (Uposatha) **trong tháng nhập an cư mùa mưa,** toàn

thể chư Thiên ở cõi Tàvatimsà (Tam thập tam thiên) ngồi họp hội tại Thiện Pháp đường (Sudhamma). Xung quanh có Đại Thiên chúng ngồi khắp mọi phía, tại bốn phương hướng có bốn vị đại vương ngồi.

- Đại vương Dhatarattha (Trì Quốc Thiên vương) vua ở phương Đông, ngồi xây mặt hướng Tây, trước mặt Thiên chúng.

- Đại vương Virùlhaka (Tăng Trưởng Thiên vương), vua ở phương Nam ngồi xây mặt hướng Bắc, trước mặt Thiên chúng.

- Đại vương Virùpakkha (Quảng Mục Thiên vương) vua ở phương Tây, ngồi xây mặt hướng Đông, trước mặt Thiên chúng.

- Đại vương Vessavana (Tỳ-sa-môn Thiên vương), vua ở phương bắc, ngồi xây mặt hướng Nam, trước mặt Thiên chúng.

Bạch Thế Tôn, khi nào toàn thể chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường xung quanh có Đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía, và tại bốn phương hướng có bốn vị đại vương ngồi, như vậy là thứ tự chỗ ngồi của những vị này, rồi đến chỗ ngồi của chúng con.

Bạch Thế Tôn, chư Thiên nào trước sống Phạm hạnh theo Thế Tôn và nay nếu sanh lên cõi Tam thập tam thiên, những vị này thắng xa chư Thiên khác về thân sắc và danh tiếng. Bạch Thế Tôn chư Thiên ở Tam thập tam thiên hoan hỷ, tín thọ, hỷ lạc sanh: "Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn A-tu-la giới bị hoại diệt".

13. "Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ Thiên chủ Đế thích (Sakka Inda) thấy chư thiên ở Tam thập tam thiên hoan hỷ, liền tùy hỷ nói lên bài kệ như sau:

Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.

Thấy Thiên chúng tân sanh,
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống Phạm hạnh,
Nay sanh tại cõi này.

Họ thắng về quang sắc,
Thọ mạng và danh xưng,
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.

Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.

" Bạch Thế Tôn, chư Thiên ở Tam thập tam thiên lại càng hoan hỷ, tín thọ, hỷ lạc sanh hơn nữa và nói: " Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn A-tu-la giới bị hoại diệt ".

14. " Bạch Thế Tôn, rồi với mục đích gì chư Thiên ở Tam thập tam thiên ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, các vị này suy tư thảo luận về mục đích ấy. Và tùy thuộc về mục dích ấy, bốn vị đại vương được thuyết giảng. Theo mục đích ấy, bốn vị đại vương được khuyến giáo, bốn vị này đều đứng một bên chỗ ngồi của mình.

Các đại vương chấp nhận
Lời giảng dạy khuyến giáo.
Thanh thoát và an tịnh,
Đứng bên chỗ mình ngồi.

15. " Bạch Thế Tôn, rồi từ phương Bắc, một ánh sáng vi diệu khởi lên, một hào quang hiện ra, thắng xa oai lực của chư Thiên. Bạch Thế Tôn rồi Thiên chủ Sakka nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên: " Này

các Thiện hữu, theo các hiện tượng được thấy, ánh sáng khởi lên, hào quang hiện ra như vậy báo hiệu Phạm thiên sẽ xuất hiện. Vì hiện tượng báo hiệu Phạm thiên xuất hiện là ánh sáng khởi lên và hào quang hiện ra ".

Theo hiện tượng được thấy,
Phạm thiên sẽ xuất hiện.
Hiện tượng đấng Phạm thiên,
Là hào quang vi diệu.

16. " Bạch Thế Tôn, rồi chư Thiên ở Tam thập tam thiên ngồi xuống trên ghế của mình và nói: " Chúng tôi sẽ tìm hiểu hậu quả của hào quang này là thế nào sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy ".

Cũng vậy, bốn vị đại vương ngồi xuống trên ghế ngồi của mình và nói: "Chúng ta sẽ tìm hiểu hậu quả của hào quang này là thế nào sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy ". Sau khi nghe vậy, chư Thiên ở Tam thập tam thiên đều đồng một lòng một ý: " Chúng ta sẽ tìm hiểu hậu quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng ta sẽ đi gặp vị ấy ".

17. " Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumãra (Thường Đồng hình Phạm thiên) xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, ngài xuất hiện với một

hóa tướng thô xấu.

Bạch Thế Tôn, vì khi Phạm thiên tự nhiên hiện hóa, sắc tướng không đủ thù thắng để chư Thiên ở Tam thập tam thiên khâm phục.

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, vị này thắng xa chư Thiên khác về sắc tướng và danh xưng.

Bạch Thế Tôn, **như một hình tượng bằng vàng chói sáng** hơn thân hình con người, cũng vậy bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra hiện ra trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, vị này thắng xa chư Thiên khác về sắc tướng và danh xưng.

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, không một vị Thiên nào trong chúng này đảnh lễ, đứng dậy hoặc mời vị Phạm thiên ngồi. Tất cả đều yên lặng, chấp tay, không ngồi trên chỗ ngồi của mình và nghĩ: "Nay, nếu Phạm thiên Sanamkumàra muốn gì với vị Thiên nào, thời hãy ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên ấy ". Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên nào, vị Thiên ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, như vị vua Sát-đế-ly vừa mới làm lễ quản đảnh và lên vương vị, vị ấy sẽ vô cùng sảng khoái, vô cùng

hoan hỷ. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên) ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên nào, vị Thiên ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ.

18. " Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện với hình tượng thô xấu, hiện thành một đồng tử tên là Pancasikha (Ngũ Kế) trước mặt chư Thiên ở Tam thập tam thiên. Bay bổng lên trời, vị này ngồi kiết-già giữa hư không. Bạch Thế Tôn, như một vị lực sĩ ngồi kết-già trên một chỗ ngồi được trải bằng phẳng hay trên một mặt đất thăng bằng, cũng vậy bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra bay bổng trên trời, ngồi kiết-già trên hư không, thấy được sự an tịnh của chư Thiên ở Tam thập tam thiên liền nói lên sự hoan hỷ của mình bằng bài kệ sau đây:

Chư Tam thập tam thiên
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi điệu.

Thấy Thiên chúng tân sanh
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống Phạm hạnh
Hay sanh tại cõi này.

Chúng thắng về quang sắc
Thọ mạng và danh xưng,
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.

Chư Tam thập tam thiên
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai
Cùng Chánh pháp vi diệu.

19. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung lời nói của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, tiếng nói của Phạm thiên Sanamkumàra có tám đặc điểm sau đây: lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói không vượt ra khỏi đại chúng. Bạch Thế Tôn, một tiếng nói có tám đặc điểm như vậy gọi là **Phạm âm.**

20. " Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra, tự hiện hóa ba mươi ba hóa thân, mỗi thân ngồi kiết già trên mỗi chỗ ngồi của chư Thiên ở Tam thập tam thiên và nói với chư Thiên, này như sau:

⦿ "- Này Chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào ? Thế Tôn phục vụ cho hạnh phúc chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

Chư Thiện hữu, những ai **quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và giữ trọn giới luật**, những vị này khi thân hoại mệnh chung :

- Một số được sanh lên Thiên chúng Parinimiitta-Vasavati (Tha Hóa Tự tại thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Nimmànaratì (Hóa Lạc thiên);
- Một số được sanh lên Thiên chúng Tusità (Đâu-suất thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Yàmà (Dạ-ma-thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Tà-vatimsà (Tam thập tam thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Catumàràjikà (Tứ Thiên vương thiên),
- Những ai phải điền vào cho đủ số hạ phẩm nhất được sanh vào chúng Gandhabba (Càn-thát-bà).

21. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra. Bạch Thế Tôn, giọng nói của Phạm thiên Sanamkumàra về vấn đề này được nói một cách khiến mỗi vị Thiên nghĩ rằng: " Vị ngồi trên chỗ ngồi của ta, chỉ vị ấy nói mà thôi ".

Chỉ một Phạm thiên nói,
Mọi hóa thân đều nói,
Chỉ một vị im lặng,
Tất cả đều im lặng.

Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích nghĩ rằng:
Chỉ vị ngồi chỗ ta,
Chỉ vị ấy riêng nói.

22. " Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra thâu nhiếp tất cả thân thành một thân, sau khi thâu nhiếp, liền ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka và nói với Thiên chúng ở Tam thập tam thiên:

⦿ " - Chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào ? **BỐN PHÁP THẦN TÚC** đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, khéo léo giải thích để thần thông được sung mãn, để thần thông được thuần thục, để thần thông được thi thiết.

Thế nào là bốn ? Ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập thần túc, câu hữu dục, thiền định tinh cần hành... tinh tấn thiền định... tâm thiền định... tu tập thần túc, câu hữu với tư duy thiền định, tinh cần hành.

Bốn pháp thần túc này đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác khéo léo giải thích để thần thông được sung mãn, để thần thông được thuần thục, để thần thông được thi thiết.

Này các Thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã thưởng thức thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều tu tập và phát triển thần túc này. Này các Thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ thưởng thức thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều sẽ tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này. Này các Thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại thưởng thức thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này.

Này chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị có thấy ở nơi tôi thần lực như vậy không ?

" - Có như vậy, Phạm thiên!

" - Chư Thiện hữu, tôi nhờ tu tập và phát triển bốn

thần túc này mà nay thành tựu đại thần lực như vậy, đại uy đức như vậy.

23. "Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

- "- Chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, quý vị nghĩ thế nào ? **BA CON ĐƯỜNG TẮT** hướng đến an lạc đã được Thế Tôn bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ. Thế nào là ba ?

  → " Chư Thiện hữu, ở đây có người thân cận dục lạc, thân cận bất thiện pháp. Sau một thời gian, vị này được nghe **Thánh pháp**, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp.

  → Và khi **nghe được Thánh pháp, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp** và tùy pháp vị này sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp.

  → Nhờ sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp, nên an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư Thiện hữu,

như từ thoải mái, hỷ duyệt sanh, cũng vậy, Chư thiện hữu nhờ sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

→ Chư Thiện hữu, đó là con đường tắt thứ nhất hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

24. " Chư Thiện hữu, lại nữa :

→ Ở đây có người thân hành thô lậu, chưa được an tịnh, khẩu hành thô lậu... ý hành thô lậu chưa được an tịnh, sau một thời gian vị này được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp.

→ Sau khi được nghe Thánh pháp, thân hành thô lậu của vị này được an tịnh, khẩu hành thô lậu của vị này... ý hành thô lậu của vị này được an tịnh.

→ Nhờ thân hành, khẩu hành, ý hành thô lậu của vị này được an tịnh, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư Thiện hữu, nhờ từ thoải mái, hỷ duyệt sanh, cũng vậy chư Thiện hữu, nhờ thân hành thô lậu của vị này được an tịnh, khẩu hành... ý hành thô lậu của vị

này được an tịnh, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

→ Chư Thiện hữu, đó là con đường tắt thứ hai hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác Chứng ngộ.

25. " Chư Thiện hữu, lại nữa :

→ Ở đây có người không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện", không như thật biết: "Đây là có tội", "Đây là không tội ", "Đây là hạ liệt ", "Đây là cao thượng ", "Đây là đen trắng đồng đều ". Sau một thời gian, vị này được nghe Thánh pháp, **như lý tác ý,** chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp.

→ Sau khi được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp, vị này như thật biết: "Đây là thiện", như thật biết: "Đây là bất thiện", như thật biết: "Đây là có tội", "đây là không tội", "đây cần phải thuận theo", "đây cần phải né tránh", "đây là hạ liệt", "đây là cao thượng", "đây là đen trắng đồng đều".

→ Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, **vô minh của vị này được trừ diệt, minh được sanh**

khởi. Vị này nhờ vô minh được trừ diệt và minh sanh khởi, nên an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

→ Chư Thiện hữu, đó là con đường tắt thứ ba hướng đến an lạc, đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

"Chư Thiện hữu, **đó là ba con đường tắt** hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

26. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

⦿ " - Chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào ? **BỐN NIỆM XỨ** hướng đến chơn thiện đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

Thế nào là bốn ? Chư Thiện hữu, ở đây vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh

niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

- → Nhờ sống quán thân trên nội thân vị này được **chánh định và chánh an tịnh**.

- → Nhờ tâm chánh định và chánh an tịnh ở nơi đây, **tri kiến được sanh khởi đối với các thân khác ngoài tự thân.**

Vị Tỷ-kheo sống quán các cảm thọ từ nội thân... quán tâm...quán pháp đối với các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Nhờ sống quán pháp đối với các pháp, tâm được chánh định và chánh an tịnh. Nhờ tâm chánh định và chánh an tịnh ở nơi đây, tri kiến được sanh khởi, đối với các pháp khác.

" Chư Thiện hữu, BỐN NIỆM XỨ này hướng đến CHƠN THIỆN đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ ".

27. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

⦿ " - Chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào về **BẢY PHÁP ĐỊNH TƯ LƯƠNG** (Sa-màdhi-parikkhàrà) **để tu hành chánh định, để kiện toàn thiền định**, đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ ?

▶ Thế nào là bảy ? Như chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm.

▶ Chư Thiện hữu, **nhứt cảnh tánh của tâm do bảy chi này sửa soạn, được gọi là *Thánh chánh định cùng với các y chỉ và cùng với các tư lương*.**

- Chư Thiện hữu, chánh tư duy **vừa đủ** để chánh tri kiến sanh khởi,
- Chánh ngữ vừa đủ để chánh tư duy sanh khởi,
- Chánh nghiệp vừa đủ để chánh ngữ sanh khởi,
- Chánh mạng vừa đủ để chánh nghiệp sanh khởi,
- Chánh tinh tấn vừa đủ để chánh mạng sanh khởi,
- Chánh niệm vừa đủ để chánh tinh tấn sanh

khởi,

- Chánh định vừa đủ để chánh niệm sanh khởi,
- Chánh trí vừa đủ để chánh định sanh khởi,
- Chánh giải thoát vừa đủ để chánh trí sanh khởi.

" Chư Thiện hữu, nếu có người nói lời chánh ngữ sau đây: ***"Chánh pháp đã được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, pháp ấy có kết quả ngay trong hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, hướng dẫn đến đích, được những người có trí tự mình giác hiểu, cửa bất tử được rộng mở ".*** Nói như vậy là chánh ngữ. Chư Thiện hữu, vì chánh pháp thật sự đã được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, pháp ấy có kết quả ngay trong hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, hướng dẫn đến đích, được những người có trí tự mình giác hiểu, cửa bất tử được rộng mở.

" Chư Thiện hữu, **những ai tin tưởng Phật không có thối chuyển, tin tưởng Pháp không có thối chuyển, tin tưởng Tăng không có thối chuyển, đầy đủ giới hạnh khiến bậc Thánh hoan hỷ, tất cả những vị được hóa sanh được Chánh pháp hướng dẫn.** Hơn hai trăm bốn mươi vạn vị cư sĩ ở Magadha đã từ trần mệnh chung, những vị này đều diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn đọa vào ác thú, chắc chắn đạt đến chánh giáo. Lại có những vị Nhất

lai:

Với hạng chúng sanh này
Ước lường phần công đức.
Không thể ước lượng được
Sợ phạm tội vọng ngữ.

28. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, được biết nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra, đại vương Vessavana khởi lên suy tư sau đây: ***"Chư Thiện hữu, thật là kỳ diệu! Chư Thiện hữu, thật là hy hữu, được có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, được một con đường đặc biệt như vậy ".***

" Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra tự tâm mình biết được tâm trí của đại vương Vessavana như vậy, liền thưa với đại vương:

" - Đại vương Vessavana nghĩ như thế nào ? Trong thời quá khứ đã có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, đã được trình bày một con đường đặc biệt như vậy... Trong thời gian tương lai, sẽ có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, sẽ được trình bày một

con đường đặc biệt như vậy ".

29. Đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên.

- Đại vương Vessavana sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên, liền nói với chúng của mình.
- Dạ-xoa Janavasabha sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của đại vương Vessavana nói với hội chúng, liền bạch lại với Thế Tôn.
- Thế Tôn sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Dạ-xoa Janavasabha, và sau khi tự mình chứng tri liền nói lại cho tôn giả Ananda.
- Tôn giả Ananda sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Thế Tôn liền nói lại cho chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ.
- Phạm hạnh này được hưng thịnh, được quảng bá, được truyền rộng cho đại chúng càng ngày càng đông, vì được khéo léo trình bày cho loài Người.

8 Kinh hộ trì không bị Dạ xoa ám ảnh - Kinh A–SÁ–NANG–CHI – 32 Trường II, 549

KINH A-SÁ-NANG-CHI
(ATANATIYA SUTTANA)
– Bài kinh số 32 – Trường II, 549

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá), núi Gijjhakùta (Linh Thứu). Bốn Thiên vương sau khi sắp đặt trấn giữ bốn phương với đại quân Yakkha (Dạ-xoa), đại quân Gandhabba (Càn-thát-bà), đại quân Kumbhanda (Cưu-bàn-trà) và đại quân Nàga (Na-già), án ngữ bốn phương, bảo trì bốn phương, trong đêm tối thâm sâu, với hào quang tuyệt diệu chói sáng toàn thể núi Linh Thứu, đến tại chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Các vị Dạ-xoa, có vị đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm, rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên tên họ rồi ngồi xuống một bên; có vị im lặng, rồi ngồi xuống một bên.

2. Sau khi ngồi xuống một bên, đại vương Vessavana (Tỳ-sa-môn) bạch Thế Tôn:

- → Bạch Thế Tôn, có những thượng phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn có những thượng phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn,
- → Bạch Thế Tôn, có những trung phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn, có những trung phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn.
- → Bạch Thế Tôn, có những hạ phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn, có những hạ phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn.
- → Bạch Thế Tôn, nhưng phần lớn các Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn. **Vì sao vậy ?** Bạch Thế Tôn. Thế Tôn thuyết pháp để từ bỏ sát sanh, thuyết pháp để từ bỏ trộm cắp, thuyết pháp để từ bỏ tà dâm, thuyết pháp để từ bỏ nói láo, thuyết pháp để từ bỏ không uống các loại rượu. Bạch Thế Tôn, tuy vậy phần lớn các Dạ-xoa đều không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cắp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ uống các loại rượu. Đối với họ, Pháp ấy không được ưa thích, không được đón mừng.
- → Bạch Thế Tôn, có những đệ tử của Thế Tôn, sống trong chốn thâm sâu cùng cốc, ít tiếng, ít

động, có gió mát từ ngoài đồng thổi, che dấu không cho người thấy, thích hợp tịnh tu. Tại chỗ ấy, có những thượng phẩm Dạ-xoa không tin tưởng lời dạy Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, hãy học chú Atànàtiyarakkha (A-sá-nang-chi Hộ Kinh) để họ được lòng tin, để các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ có thể sống an lạc, được che chở, được hộ trì không bị tai họa.

Thế Tôn im lặng chấp thuận.

3. Rồi đại vương Vessavana, biết được Thế Tôn đã chấp thuận, trong giờ phút ấy, đọc lên **bài Atànàtiya Hộ Kinh**:

- Đảnh lễ Vipassi (Tỳ-bà-thi),
Sáng suốt và huy hoàng!
- Đảnh lễ đấng Sikhi (Thi-khí)
Có lòng thương muôn loài!
- Đảnh lễ Vessabha (Tỳ-xá-bà),
Thanh tịnh, tu khổ hạnh!
- Đảnh lễ Kakusandha (Câu-lâu-tôn),
Vị nhiếp phục ma quân!
- Đảnh lễ Konàgamana, (Câu-na-hàm)
Bà-la-môn viên mãn!
- Đảnh lễ Kassapa (Ca-diếp),
Vị giải thoát muôn mặt!
- Đảnh lễ Angirasa,

Vị Thích tử huy hoàng,
Đã thuyết chơn diệu pháp,
Diệt trừ mọi khổ đau!

Ai yểm ly thế giới,
Nhìn đời đúng như chơn,
Vị ấy không hai lưỡi,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
- Cùng đảnh lễ Gotama,
Lo an lạc Nhơn Thiên
Trì giới đức viên mãn!
Bậc vĩ đại thanh thoát!

4.

Mặt trời sáng mọc lên,
Vầng thái dương tròn lớn,
Khi mặt trời mọc lên,
Đêm tối liền biến mất.

Khi mặt trời mọc lên
Liền được gọi là ngày.
Biển cả hải triều động,
Như hồ nước thâm sâu.
Ở đấy mọi người biết,
Chính biển cả hải triều,
Dân chúng gọi phương ấy
Là phương Purimà, ***(phương Đông).***

Vị trị vì phương ấy,
Bậc đại vương danh xưng,
Chủ loài Càn-thát-bà,
Danh gọi ***Dhatarattha (Trì Quốc Thiên vương).***
Càn-thát-bà hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhơn cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".

5.

Họ được gọi Peta,
Nói hai lưỡi, sau lưng,
Sát sanh và tham đắm,
Đạo tặc và man trá,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là ***phương Dakkhinà (phương Nam).***
Vị trị vì phương ấy,
Bậc đại vương, danh xưng,
Chủ loài Kumbhanda (Cưu-bàn-trà)
Danh gọi Virùlhaka (Tỳ-lâu-lặc).
Kumbhanda hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhơn cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,

Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".

6.

Mặt trời sáng lặn xuống,
Vầng thái dương trong lớn.
Khi mặt trời lặn xuống.
Ban ngày liền biến mất.
Khi mặt trời lặn xuống,
Liền được gọi là đêm.
Biển cả hải triều động,
Như hồ nước thâm sâu,
Ở đây mọi người biết,
Chính biển cả hải triều,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương ***Pacchimà (phương Tây).***
Vị trị vì phương ấy,
Bậc đại vương, danh xưng.
Chủ các loài Nàgà,
Danh Virùpakkha (Tỳ-lâu-bác-xoa).
Loài Nàgà hầu quanh,

Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhơn cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".

7.

Bắc Lô Châu (Uttarakurù) *an lạc*
Đại Neru (Tu-di) đẹp đẽ.
Tại đấy, mọi người sống

Không sở hữu, chấp trước.
Họ không gieo hột giống,
Không cần phải kéo cày.
Loài người được thọ hưởng
Lúa chín khỏi nhọc công.
Loại gạo không cám trấu,
Thanh tịnh có hương thơm,
Được nấu chín trên đá,
Và họ ăn gạo ấy.
Chỉ cỡi loài bò cái,
Đi phương này phương khác.
Chỉ dùng các loài thú
Đi phương này phương khác.
Dùng xe đàn bà kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe đàn ông kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe con gái kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe con trai kéo,
Đi phương này phương khác.
Họ lên trên các xe,
Đi khắp mọi phương hướng,
Để phục vụ vua mình.
Họ cỡi xe voi kéo,
Xe ngựa, xe chư Thiên,
Đối với vua danh xưng,

Có lâu đài, có kiệu,
Nhiều thành phố của vua,
Được xây giữa hư không.
Các thành Atànàtà,
Kusinàtà, Parakusinàtà, Nàttapuriyà,
Parakusitannàtà
Kapìvanta thuộc phía Bắc,
Và các thành phố khác,
Như Janogha, Navanavatiya,
Ambara, Ambaravatiya,
Alakamandà,
Là kinh đô của vua,
Chỗ Kuvera ở.
Vị vua đáng kính này,
Kinh đô tên Visànà.
Do vậy Kuvera,
Được danh Vessavana.
Các sứ quán được tên:
Tatolà, Tattalà, Tatotalà,
Ojasi, Tejasi, Tatojasi,
Vua Sùra, Arittha, Nemi.
Đây có vùng nước lớn,
Từ đây mưa đổ xuống,
Được tên Dharanì.
Tại đây mưa đổ xuống,
Được tên Dharanì.
Tại đây có giảng đường,

Tên Bhagalavati,
Chỗ Dạ-xoa tập hội.
Tại đây nhiều cây trái,
Trên cây chim tụ họp,
Các loại công, loại cò,
Diệu âm chim Kokilà,
Ở đây, chim Jiva,
Kêu tiếng "Hãy sống đi",
Và tiếng chim kêu lên,
"Hãy khởi tâm thích thú".
Nhiều loại chim sai khác,
Ở rừng và ở hồ,
Với con vẹt ồn ào,
Và con chim Mynah,
Các loại chim thần thoại,
Gọi là Dandamànavakà.
Hồ sen Kuvera,
Chiếu sáng tất cả trời,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương Uttarà (phương Bắc).
Vị trị vì phương ấy,
Bậc đại vương danh xưng,
Chủ các loài Dạ-xoa,
*Được gọi **Kuvera.***
Các Dạ-xoa hầu quanh,
Hưởng múa hát của chúng.
Vua này có nhiều con,

Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhơn cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".

8. Tôn giả, **Hộ Kinh Atànàtiya này che chở, hộ trì, ngăn không cho ai làm hại các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ và khiến các vị này sống an lạc.**

Khi một vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ nào sẽ học Hộ Kinh Atanatiya này một cách chín

chắn, rõ ràng, nếu có loài phi nhân nào, Dạ-xoa, Dạ-xoa-ni, con trai Dạ-xoa, con gái Dạ-xoa, đại thần Dạ-xoa-ni, tùy tùng của Dạ-xoa, hay lao công của Dạ-xoa; hoặc Càn-thát-bà... hoặc Cưu-bàn-trà (Kumbhanda)... hoặc Nàga... đi theo vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ khi vị này đi; đứng gần, khi vị này đứng; ngồi khi vị này ngồi; nằm khi vị này nằm với tâm niệm độc ác, thời này Tôn giả, vị phi nhân ấy trong làng hay trong đô thị sẽ không được ai đón mừng hay kính trọng. Này Tôn giả, phi nhân ấy, trong kinh đô Alakamada của Ta sẽ không tìm được đất đai hay chỗ ở. Vị phi nhân ấy sẽ không được đi dự hội giữa các Dạ-xoa. Này Tôn giả, vị phi nhân ấy sẽ không được cưới hỏi. Này Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ dùng những lời nói hỗn láo xấc xược đối với vị ấy. Này Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ dìm đầu vị ấy xuống. Này Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ chẻ đầu vị ấy ra làm bảy mảnh.

9. Này Tôn giả, có hàng phi nhân hung bạo, dữ tợn, khủng khiếp. Chúng không nghe lời các đại vương, không nghe lời đình thần của các vị đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần của các vị đại vương. Này Tôn giả, các phi nhân này được xem là thù nghịch của các bậc đại vương.

Này Tôn giả, như các đại tướng cướp vua xứ Magadha bị chinh phục. Cũng vậy, các vị này không nghe lời các vị đại vương, không nghe lời đình thần của các vị đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần của các vị đại vương. Này Tôn giả, các vị đại tướng cướp này được xem là kẻ thù nghịch của vua xứ Magadha. Cũng vậy, này Tôn giả, có những vị phi nhân hung bạo, dữ tợn, khủng khiếp. Các vị này không nghe lời các đại vương, không nghe lời đình thần của các vị đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần các vị đại vương. Này Tôn giả, các vị phi nhân này được xem là kẻ thù nghịch của các bậc đại vương.

Này Tôn giả, nếu có vị phi nhân nào, Dạ-xoa hay Dạ-xoa-ni nào... đi theo vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ hay Nữ cư sĩ khi vị này đi, đứng gần khi vị này đứng; ngồi khi vị này ngồi; nằm khi vị này nằm với tâm niệm độc ác, vị này hãy nói lên, kêu lên, van lên với các những vị Dạ-xoa ấy, đại Dạ-xoa ấy, quân sư, đại quân sư ấy: *"Dạ-xoa này bắt tôi, Dạ-xoa này tấn công tôi, Dạ-xoa này đả thương tôi, Dạ-xoa này hại tôi, Dạ-xoa này làm hại tôi, Dạ-xoa này không thả tôi ra"*.

10. Những Dạ-xoa, đại Dạ-xoa, quân sự, đại quân sư nào được kêu gọi ở đây:

Inda, Soma, và Varuna,
Bhàradvaja, Pajàpati,
Candana, Kàmasettha,
Kinnughandu, Nighandu,
Panàda và Opamanna,
Devanita và Màtali,
Cittasena và Gandhabba.
Vua Nala, Janesabha,
Sàtàgira Hemavata,
Punnuaka, Karatiya, Gula,
Sivakat và Mucalinda
Vessàmitta, Yugandhara,
Gopàla và Suppagedha,
Hirì, Settì và Mandiya,
Pancàla Canda, Alavaka,
Pajjunna, Sumana, Sumukha,
Dadhimukha Mani Mànicara, Dìgha,
Atha và Serissaka.

Những vị này là những Dạ-xoa, đại Dạ-xoa, quân sư, đại quân sư cần phải được nói lên, kêu lên, van lên: "Dạ-xoa này bắt tôi, Dạ-xoa này tấn công tôi, Dạ-xoa này đả thương tôi, Dạ-xoa này hại tôi, Dạ-xoa này làm hại tôi, Dạ-xoa này không thả tôi ra".

11. Này Tôn giả, đây là Hộ Kinh Atànàtiyà che chở, hộ trì, ngăn không cho ai làm hại các Tỷ-kheo, Tỷ-

kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ và khiến các vị này sống an lạc.

- Thưa Tôn giả, nay chúng tôi cần phải đi, chúng tôi có nhiều việc, có nhiều bổn phận.

- Đại vương, Đại vương hãy làm điều gì Đại vương nghĩ là phải thời.

Rồi bốn vị đại vương, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về phía Ngài rồi biến mất tại đấy.

Các vị Dạ-xoa ấy, từ chỗ ngồi đứng dậy, có vị đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ; có vị nói lên những lời hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ; có vị chấp tay hướng đến Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ; có vị nói lên tên họ của mình rồi biến mất tại chỗ; có vị im lặng biến mất tại chỗ.

12. Rồi Thế Tôn sau khi đêm đã mãn, liền gọi các vị Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, khi hôm, Bốn vị đại vương cùng với đại quân sư Dạ-xoa:

"Đảnh lễ Vipassi (Tỳ-bà-thi)
Sáng suốt và huy hoàng;

Đảnh lễ đấng Sikhi, (Thi-khí)
Có lòng thương muôn loài...

Này Tôn giả, đó là hộ kinh Atànàtiyà che chở, hộ trì, ... (như trên) ... rồi biến".

13. **Này các Tỷ-kheo, hãy học Hộ Kinh Atànàtiyà này, hãy thuộc lòng Kinh Atànàtiyà này. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ được che chở, được hộ trì, được ngăn khỏi ai làm hại, được sống thoải mái hạnh phúc.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ thọ trì lời dạy Thế Tôn.

9 Tán thán Tỷ kheo ni Sukkà thuyết pháp hay - Kinh Sukkà – Tương I, 468

Sukkà – *Tương* I, 468

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo-ni Sukkà, có đại chúng đoanh vây, đang thuyết pháp.

3) Rồi một Dạ-xoa có lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Sukkà, đi từ đường xe này đến đường xe khác, đi từ ngã tư này đến ngã tư khác ở Ràjagaha, và ngay lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

Này người Vương Xá thành,
Các Người đã làm gì,
Mà nay lại nằm dài,
Như say vì rượu ngọt.
Không hầu hạ Sukkà,
*Đang thuyết **pháp bất tử**?*
Pháp ấy không trở lui,
***Cam lồ** không lưng vơi.*
Ta nghĩ người trí tuệ
Uống nước (cam lồ) ấy,
Chẳng khác một đám mưa,

Đối với kẻ lữ hành.

10 Tán thán người đã cúng dường cho Tỷ kheo ni vô lậu - Kinh Cirà Hay Virà – Tương I, 470

Cirà Hay Virà – *Tương* I, 470

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, một cư sĩ dâng y cúng dường Tỷ-kheo-ni Cirà.

3) Rồi một Dạ-xoa, khởi lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Cirà, liền đi từ đường xe này đến đường xe khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác tại thành Vương Xá, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

> ***Cư sĩ có trí*** *này,*
> *Chắc hưởng nhiều công đức,*
> *Đã cúng dường tấm y,*
> *Dâng cúng lên Cirà,*
> *Một vị đã giải thoát,*
> *Tất cả mọi khổ ách.*

11 Tán thán người đã cúng dường cho Tỷ kheo ni vô lậu - Kinh Sukkà – Tương I, 469

Sukkà – *Tương* I, 469

1) Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, một người cư sĩ đang cúng dường đồ ăn cho Tỷ-kheo-ni Sukkà.

3) Rồi một Dạ-xoa, khởi lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Sukkà, liền đi từ đường xe này đến đường xe khác, đi từ ngã ba này tới ngã ba khác ở Ràjagaha, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

> ***Cư sĩ có trí*** *này,*
> *Chắc hưởng nhiều công đức,*
> *Đã cúng dường món ăn,*
> *Dâng cúng lên Sukkà,*
> *Một vị đã giải thoát,*
> *Tất cả mọi triền phược.*

12 Tương Ưng Dạ Xoa – Tương I, 453

Tương Ưng Dạ Xoa
(Chương X)

Indaka – *Tương* I, 453

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), núi Indakùta, tại trú xứ của Dạ-xoa Indaka.

2) Rồi Dạ-xoa Indaka đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những bài kệ với Thế Tôn:

> *Chư Phật, Ngài dạy rằng,*
> ***Sắc** không phải sinh mạng,*
> *Vậy sao sinh mạng này,*
> *Lại có trong thân này?*
> *Từ đâu xương thịt đến,*
> *Trong thân thể hiện tại?*
> *Làm sao sinh mạng này,*
> *Gá dính trong thai tạng?*

(Thế Tôn):

> *3) Trước tiên, Kalala,*
> *Rồi từ Kalala,*
> *Abbuda có mặt.*

Rồi từ Abbuda,
Pesì (thịt mềm) được sanh ra.
Pesì sinh Ghana (thịt cứng),
Rồi đến Pasàkha (chi tiết),
Tóc, lông và các móng,
Tiếp tục được sanh ra.
Những gì người mẹ ăn,
Đồ ăn, đồ uống nào,
Con người trong bụng mẹ,
Ở đấy, lấy nuôi dưỡng.

Sakka – *Tương* I, 454

1) Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá) trên núi Gijjhakùta (Linh Thứu).

2) Rồi Dạ-xoa tên Sakka đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những bài kệ với Thế Tôn:

Thật không tốt lành gì,
Một Sa-môn như Ngài,
Đã đoạn mọi triền phược,
Đã sống chơn giải thoát,
Lại tiếp tục giảng dạy,
Những kẻ khác (tu học).

(Thế Tôn):

3) Này Dạ-xoa Sakka,
Dầu vì lý do gì,
Loài Người sống chung nhau,
Không một lý do nào,
Xứng đáng bậc trí tuệ,
Với lòng từ lân mẫn,
Nếu với tâm tín thành,
Giảng dạy những người khác,
Do vậy không hệ lụy,
Vì lòng từ lân mẫn.

Suciloma – *Tương* I, 455

1) Một thời Thế Tôn ở Gayà, trên hòn đá Tankita tại trú xứ của Dạ-xoa Suciloma.

2) Lúc bấy giờ, Dạ-xoa Khara và Dạ-xoa Suciloma đi ngang qua, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

3) Rồi Dạ-xoa Khara nói với Dạ-xoa Suciloma:

- Đây là một Sa-môn.

4) - Đây không phải Sa-môn. Đây là Sa-môn giả. Hay ít nhất cho đến khi ta biết được Sa-môn hay Sa-môn giả.

5) Rồi Dạ-xoa Suciloma đi đến Thế Tôn, sau khi đến liền nghiêng thân về phía Thế Tôn.

6) Thế Tôn liền tránh né thân của mình.

7) Dạ-xoa Suciloma nói với Thế Tôn:

- *Có phải Sa-môn sợ ta?*

8) - Này Hiền giả, Ta không sợ Ông. Nhưng xúc chạm với Ông là **điều đáng ghét (pàpaka).**

9) - Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ông một câu. Nếu Ông không trả lời ta được, ta sẽ làm tâm Ông điên loạn, hay ta làm Ông bể tim, hay nắm lấy chân, ta sẽ quăng Ông qua bờ bên kia sông Hằng.

10) - Này Hiền giả, ở thế giới chư Thiên, Ma giới hay Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, Ta không thấy một ai có thể làm tâm Ta điên loạn, hay làm bể tim Ta, hay nắm lấy chân Ta, quăng Ta qua bờ bên kia. Tuy vậy, này Hiền giả, hãy hỏi đi như Ông muốn.

(Dạ-xoa):

11) ***Tham dục*** *và* ***sân*** *hận,*
Do nhân gì sanh khởi?
Bất mãn *và* ***thỏa*** *mãn,*

***Sợ hãi** từ đâu sanh?*
Từ đâu được khởi lên,
*Các **tư tưởng, tư duy**,*
Như quạ được bầy trẻ,
Thả bay rồi kéo lại?

(Thế Tôn):

12) Tham dục và sân hận,
Do nhân này sanh khởi,
Bất mãn và thỏa mãn,
Sợ hãi từ đây sanh.
Từ đây được khởi lên,
Các tư tưởng, tư duy,
Như quạ được bầy trẻ,
Thả bay rồi kéo lại.
*Chính do **tham ái** sanh,*
*Chính do **tự ngã** sanh.*
Như cây nigroda (cây bàng),
Do từ thân cây sanh.

*Phàm phu bám **ác dục,***
Như cây leo khắp rừng.
Những ai hiểu biết được,
Do nhân ấy sanh khởi,
Họ diệt trừ nhân ấy.

Hãy nghe, này Dạ-xoa,
Họ vượt bộc lưu này,

Bộc lưu thật khó vượt,
Từ trước chưa vượt qua,
Không còn phải tái sanh.

Manibhadda – *Tương* I, 458

1) Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Magadha, tại điện thờ Manimàlaka, tại một trú xứ của Dạ-xoa Manibhadda.

2) Rồi Dạ-xoa Manibhadda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Lành thay, thường chánh niệm,
Nhờ niệm, lạc tăng trưởng.
Có niệm, mai đẹp hơn,
Hận thù được giải thoát.

(Thế Tôn):

3) Lành thay, thường chánh niệm,
Nhờ niệm, lạc tăng trưởng,
Có niệm, mai đẹp hơn,
Hận thù chưa giải thoát.
Với ai trọn ngày đêm,
Tâm ý lạc, bất hại,
***Từ tâm** mọi hữu tình,*

Vị ấy không thù hận.

Sanu – *Tương* I, 459

1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, **Sànu, con một nữ cư sĩ bị Dạ-xoa ám ảnh.**

3) Nữ cư sĩ ấy than khóc, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

Con ta là La-hán,
Đối với ta là vậy,
Và chính ta được nghe,
Vị La-hán nói vậy.
Nay ta thấy Sànu,
Bị Dạ-xoa ám ảnh.

Ngày mười bốn, mười lăm,
Và ngày tám nửa tháng,
Cả ngày lễ đặc biệt,
Khéo tu tám trai giới,
Tuân trì lễ Bố-tát.
Và chính ta được nghe,
Vị La-hán nói vậy,

Nay ta thấy Sànu,
Bị Dạ-xoa ám ảnh.

Ngày mười bốn, mười lăm,
Và ngày tám nửa tháng,
Cả ngày lễ đặc biệt,
Khéo tu tám trai giới,
Tuân trì lễ Bố-tát.

Những ai sống Phạm hạnh,
Dạ-xoa không ám ảnh,
Và chính ta được nghe,
Vị La-hán nói vậy.

Người nói với Sànu,
Có trí và sáng suốt,
Đây là lời Dạ-xoa,
Chớ có làm điều ác,
Công khai hay bí mật.
Nếu người làm điều ác,
Sẽ làm hay đang làm,
Ông không thoát khổ đau,
Dầu có đứng lên chạy,
Chạy một mạch, chạy dài.

(Sànu được khỏi ám ảnh):

4) Này mẹ, người ta khóc,
Là khóc cho người chết,
Hay khóc cho người sống,

Nhưng không được thấy mặt?
Này mẹ, chúng thấy con,
Hiện có mặt đang sống.
Vậy sao mẹ khóc con,
Này người mẹ (thân yêu)?

(Bà mẹ):

5) Người ta khóc cho con,
Là khóc cho con chết,
Hay khóc cho con sống,
Nhưng không được thấy mặt.
Ai đã bỏ dục vọng,
Lại trở lui đời này,
Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn sống cũng như chết.

Nay con được kéo ra,
Khỏi than hừng đỏ rực,
Con còn muốn rơi vào,
Đống than hồng ấy chăng?

Nay con được thoát ra,
Khỏi địa ngục (đau khổ),
Con còn muốn rơi vào,
Cõi địa ngục ấy chăng?

Hãy dong ruỗi đời con,

Ta chúc con hạnh phúc,
Hãy sống như thế nào,
Không làm ai bực phiền.
Đồ vật thoát lửa cháy,
Con muốn đốt lại chăng?

Piyankara – *Tương* I, 462

1) Một thời Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Anuruddha thức dậy khi đêm vừa mới sáng, đang **tụng đọc pháp cú.**

3) Một nữ Dạ-xoa, mẹ của Piyankara dỗ cho con nín như sau:

Này Piyankara,
Chớ có sanh tiếng động,
Vị Tỳ-kheo đang tụng,
Những lời về ***pháp cú.***
Nếu chúng ta biết được,
Học được pháp cú này,
Rồi như pháp hành trì,
Chúng ta được lợi ích.

Không sát hại sanh vật,
Không cố ý nói láo,

*Tự học tập **giới** luật,*
Chúng ta thoát ngạ quỷ.

Punabbasu – *Tương* I, 463

1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo về vấn đề liên hệ đến Niết-bàn, tuyên thuyết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung mọi tâm tư, lóng tai nghe pháp.

3) Rồi một nữ Dạ-xoa, mẹ Punabbasu dỗ con nín như sau:

Hãy gìn giữ im lặng,
Này Uttarika!
Hãy gìn giữ im lặng,
Này Punabbasu!
Để mẹ được nghe pháp.
Đạo Sư, tối thượng Phật,
Thế Tôn giảng Niết-bàn,
Thoát ly mọi triền phược,
Mẹ đối với pháp ấy,

Thật cực kỳ ái lạc.
Đời ái lạc con mình,
Đời ái lạc chồng mình,
Nhưng đối với đạo pháp,
Mẹ ái lạc nhiều hơn.
Con hay chồng dầu thân,
Không cứu ta thoát khổ,
Không như nghe diệu pháp,
Chúng sanh được thoát khổ.

Trong đau khổ đời sau,
Dính liền già và chết,
Chánh pháp Ngài giác ngộ,
Giải thoát khỏi già chết.
Mẹ muốn nghe pháp ấy
Hãy nín đi con ơi!
Này Punabbasu.

(Punabbasu):

4) Thưa mẹ, con không nói,
Uttarà nín lặng.
Mẹ hãy lắng nghe pháp,
Nghe pháp được an lạc.
Vì không biết diệu pháp,
Chúng ta trôi sanh tử.
Giữa Nhân, Thiên mù quáng,
Ngài đem cho ánh sáng,
Giác ngộ, thân tối hậu,

Bậc Pháp nhãn thuyết pháp.

(Bà mẹ):

5) Hữu trí thay, con ta!
Con ta sanh ẵm ngực.
Nay con ta ái lạc,
Tịnh pháp Vô thượng Phật.
Này Punabbasu!
Hãy sống chơn an lạc,
Nay ta được sống lại,
Thấy được chơn ***Thánh đế****,*
Này con Uttara!
Hãy nghe theo lời ta.

Sudatta – *Tương* I, 465

1) Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), tại rừng Siìta.

2) Lúc bấy giờ cư sĩ Anàthapindika (Cấp Cô Độc) đã đến Ràjagaha để làm một vài công việc.

3) Cư sĩ Anàthapindika được nghe đức Phật đã ra đời và muốn đến yết kiến Thế Tôn.

4) Rồi cư sĩ Anàthapindika suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn. Ngày mai mới phải thời ta đến yết kiến Thế Tôn". Như vậy với ý nghĩ đi

yết kiến đức Phật, ông Anàthapindika nằm ngủ. Trong đêm, ông ấy thức dậy **ba lần**, tưởng rằng trời đã sáng.

5) Rồi cư sĩ Anàthapindika đi đến cửa Sìvatthika (nghĩa địa), và có những phi nhân mở cửa.

6) Và khi ông ra khỏi thành phố, ánh sáng biến mất và bóng tối hiện ra. Ông sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược và muốn đi trở về.

7) Rồi Dạ-xoa Sìvaka ẩn hình, lên tiếng như sau:

> *Trăm voi và trăm ngựa,*
> *Trăm xe do ngựa kéo,*
> *Cả trăm ngàn thiếu nữ,*
> *Được trang sức bông tai,*
> *Không bằng phần mười sáu,*
> *Một bước đi tới này.*
> *Cư sĩ, hãy tiến tới!*
> *Cư sĩ, hãy tiến tới!*
> *Tiến tới, tốt đẹp hơn,*
> *Chớ có lui, thối bước!*

8) Rồi với Anàthapindika, tối tăm biến mất, ánh sáng hiện ra. Và sợ hãi, hốt hoảng, lông tóc dựng ngược đã khởi lên được dịu hẳn xuống.

9) Lần thứ hai... (như trên)...

10) Lần thứ ba, với Anàthapindika, ánh sáng biến mất, bóng tối hiện ra. Và sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược khởi lên. Và Anàthapindika muốn trở lui. Lần thứ ba, Dạ-xoa Sìvaka ẩn hình lên tiếng như sau :

Trăm voi và trăm ngựa,
Trăm xe do ngựa kéo,
Cả trăm ngàn thiếu nữ,
Được trang sức bông tai,
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi tới này.
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Tiến tới, tốt đẹp hơn,
Chớ có lui, thối bước!

11) Rồi với Anàthapindika, bóng tối biến mất, ánh sáng hiện ra và sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược đã khởi lên được dịu bớt.

12) Rồi Anàthapindika đi đến rừng Sìta, đi đến Thế Tôn.

13) Lúc bấy giờ Thế Tôn thức dậy vào lúc đêm vừa mãn và đang đi kinh hành ngoài trời.

14) Thế Tôn thấy Anàthapindika từ xa đi đến, khi thấy vậy, từ chỗ kinh hành đi xuống, và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với cư sĩ Anàthapindika:

- *Hãy đến đây, Sudatta!*

15) Rồi cư sĩ Anàthapindika nghĩ: "Thế Tôn kêu tên ta", rồi cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ngủ có an lạc chăng ?

(Thế Tôn):

Bà-la-môn tịch tịnh,
Luôn luôn sống an lạc,
Không đèo bồng dục vọng,
Thanh lương, không sanh y,
Mọi ***ái*** *trước đoạn diệt,*
Tâm khổ não điều phục,
Tịch tịnh, sống an lạc,
Tâm tư đạt hòa bình.

Sukkà – *Tương* I, 468

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo-ni Sukkà, có đại chúng đoanh vây, đang thuyết pháp.

3) Rồi một Dạ-xoa có lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Sukkà, đi từ đường xe này đến đường xe khác, đi từ ngã tư này đến ngã tư khác ở Ràjagaha, và ngay lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

Này người Vương Xá thành,
Các Người đã làm gì,
Mà nay lại nằm dài,
Như say vì rượu ngọt.
Không hầu hạ Sukkà,
*Đang thuyết **pháp bất tử**?*
Pháp ấy không trở lui,
***Cam lồ** không lưng vơi.*
Ta nghĩ người trí tuệ
Uống nước (cam lồ) ấy,
Chẳng khác một đám mưa,
Đối với kẻ lữ hành.

Sukkà – *Tương* I, 469

1) Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, một người cư sĩ đang cúng dường đồ ăn cho Tỷ-kheo-ni Sukkà.

3) Rồi một Dạ-xoa, khởi lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Sukkà, liền đi từ đường xe này đến đường xe khác, đi từ ngã ba này tới ngã ba khác ở Ràjagaha, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

> ***Cư sĩ có trí*** *này,*
> *Chắc hưởng nhiều công đức,*
> *Đã cúng dường món ăn,*
> *Dâng cúng lên Sukkà,*
> *Một vị đã giải thoát,*
> *Tất cả mọi triền phược.*

Cirà Hay Virà – *Tương* I, 470

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, một cư sĩ dâng y cúng dường Tỷ-kheo-ni Cirà.

3) Rồi một Dạ-xoa, khởi lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Cirà, liền đi từ đường xe này đến đường xe khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác tại thành Vương Xá, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

> ***Cư sĩ có trí*** *này,*

Chắc hưởng nhiều công đức,
Đã cúng dường tấm y,
Dâng cúng lên Cirà,
Một vị đã giải thoát,
Tất cả mọi khổ ách.

Alava – *Tương* I, 471

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Àlavi, tại trú xứ của Dạ-xoa Alavakka.

2) Rồi Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra!

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi vào.

3) Lần thứ hai, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi vào.

4) Lần thứ ba, Dạ-xoa Alavika nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi vào.

5) Lần thứ tư, Dạ-xoa Alavika nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

6) - Này Hiền giả, Ta không đi ra. Hãy làm gì Ông nghĩ là phải làm.

7) - Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ông một câu hỏi. Nếu Ông không trả lời ta được, ta sẽ làm tâm Ông điên loạn, hay ta làm Ông bể tim, hay nắm lấy chân, ta sẽ quăng Ông qua bờ bên kia sông Hằng.

8) - Này Hiền giả, Ta không thấy một ai, ở thế giới chư Thiên, Ma giới hay Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người có thể làm tâm Ta điên loạn, hay làm bể tim Ta hay nắm lấy chân, quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, hãy hỏi đi như Ông muốn.

(Dạ-xoa):

9) Cái gì đối người đời,
Là tài sản tối thượng?
Cái gì khéo hành trì,
Đem lại chơn an lạc?
Cái gì giữa các vị,
Là vị ngọt tối thượng?
Phải sống như thế nào,
Được gọi sống tối thượng?

(Thế Tôn):

*10) **Lòng tin** đối người đời,*
Là tài sản tối thượng.
***Chánh pháp** khéo hành trì,*
Đem lại chơn an lạc.

Chân lý *giữa các vị,*
Là vị ngọt tối thượng.
Phải ***sống với trí tuệ****,*
Được gọi sống tối thượng.

(Dạ-xoa):

11) Làm sao vượt bộc lưu?
Làm sao vượt biển lớn?
Làm sao siêu khổ não?
Làm sao được thanh tịnh?

(Thế Tôn):

12) Với ***tín****, vượt bộc lưu.*
Không phóng dật, vượt biển.
Tinh tấn, siêu khổ não.
Với Trí, được thanh tịnh.

(Dạ-xoa):

13) Làm sao được trí tuệ?
Làm sao được tài sản?
Làm sao đạt danh xưng?
Làm sao kết bạn hữu?
Đời này qua đời khác,
Làm sao không sầu khổ?

(Thế Tôn):

14) Ai tin tưởng Chánh pháp

Của bậc A-la-hán,
Pháp ấy khiến đạt được,
Niết-bàn (chơn an lạc),
Khéo học, không phóng dật,
***Minh nhãn** khéo phân biệt,*
Nhờ hành trì như vậy,
*Vị ấy **được trí tuệ**.*

Làm gì khéo thích hợp,
Gánh vác các trách nhiệm,
Phấn chấn, thích hoạt động,
*Như vậy **được tài sản**,*

Chơn thật đạt danh xưng,
Bố thí kết bạn hữu,
Đời này qua đời khác,
*Như vậy **không sầu khổ**.*

Tín nam gia chủ nào,
Tìm cầu bốn pháp này,
Chơn thực và chế ngự,
Kiên trì và xả thí,
Vị ấy sau khi chết,
Không còn phải sầu khổ.
Đời này qua đời khác,
Sau chết, không sầu khổ.

Ta muốn Ông đến hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,

Có những pháp nào khác,
Tốt hơn bốn pháp này:
Chơn thực và chế ngự,
Xả thí và kham nhẫn.

(Dạ-xoa):

15) Làm sao nay ta hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi nay ta được biết,
Nguyên nhân của đời sau.
Phật đến Alavi,
Thật lợi ích cho ta.
Nay ta được biết rõ,
Cho gì được quả lớn.
Nên ta sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ Phật Chánh Giác,
Cùng đảnh lễ Chánh pháp,
Các vị chứng Pháp tánh.